Trường:..... Họ và tên giáo viên:
Tổ:.....
Ngày: ..... …….....

TÊN BÀI DẠY - BÀI 1:
VỊ TRÍ ĐỊA LÍ. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN CHÂU ÂU

Môn học/Hoạt động giáo dục: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ; Lớp: 7
Thời gian thực hiện: Tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được đặc điểm vị tri địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu.
- Phân tích được đặc điểm các khu vực địa hình chính của châu Âu; đặc điểm phân hoá khí hậu; xác định được trên bản đồ các sông lớn (Rai-nơ, Đa-nuýp, Vôn-ga); các đới thiên nhiên ở châu Âu.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Tự học và hoàn thiện các nhiệm vụ thông qua phiếu học tập.
+ Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.
+ Giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Năng lực Địa lí

+ Năng lực nhận thức Địa lí: năng lực nhận íhức thế giới theo quan điểm không gian (xác định vị trí, phạm vi, sự phần bố), giải íhích hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên; phân tích mối quan hệ tác động qua lại giữa các đối tượng tự nhiên.
+ Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí (bản đồ, biểu đồ, hình ảnh, video).
+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ : Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.
- Nhân ái: Tôn trọng ý kiến của người khác, có ý thức học hỏi lẫn nhau.
- Trung thực : Tự giác tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập (cá nhân/nhóm). Có ý thức bảo vệ tự nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Bản đồ tự nhiên châu Âu.
- Bản đồ các đới và kiểu khí hậu ở châu Âu.
- Hình ảnh, video về thiên nhiên chầu Âu.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động xuất phát/ khởi động

a. Mục tiêu

- Kết nối vào bài học, tạo hứng thú cho người học.

b. Nội dung

- Đưa học sinh vào tình huống có vấn đề để các em tìm ra câu trả lời, sau đó giáo viên kết nối vào bài học.

c. Sản phẩm

- Câu trả lời cá nhân của học sinh.

d. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ: Tham gia trò chơi NHÌN HÌNH ĐOÁN QUỐC GIA

Bước 2: HS tiến hành hoạt động trong 2 phút.

Bước 3: HS trả lời câu hỏi.

Bước 4: GV chuẩn kiến thức và vào bài mới.

GV quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs => Từ câu trả lời của học sinh, GV kết nối vào bài học: Châu Âu là nơi được biết đến có thiên nhiên phong phú, đa dạng. Bài học này sẽ giúp các em có hiểu biết về đặc điểm tự nhiên của châu Âu.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu vị trí địa lí, hình dạng và kích thước của châu Âu.

a. Mục tiêu

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước của châu Âu.

b. Nội dung

- Đọc thông tin trong mục 1 và quan sát hình 1, hãy:
- Trình bày đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu.
- Kể tên các biển và đại dương bao quanh châu Âu.

c. Sản Phẩm: Câu trả lời của học sinh.

- Vị trí địa lí, hình dạng và kich thước của châu Âu:

+ Vị trí địa lí: Châu Âu nằm ở phía tây lục địa Á - Âu, ngăn cách với chầu Á bởi dãy núi U-ran. Phần lớn lãnh thổ châu Âu nằm giữa các vĩ luyến 36°B và 71°B, chủ yếu thuộc đới ôn hoà của bán cầu Bắc.

+ Hình dạng: Châu Âu có đường bờ biển bị cắt xẻ mạnh, tạo thành nhiều bán đảo, biển, vũng vịnh ăn sâu vào đất liền.

+ Kích thước: Châu Âu có diện tích trên 10 triệu km2, so với các châu lục khác thì chỉ lớn hơn châu Đại Dương.

- Châu Âu có phía bắc giáp Bắc Băng Dương, phía tây giáp Đại Tây Dương, phía nam giáp Địa Trung Hải và Biển Đen, phía đông giáp châu Á.

d. Cách thức tổ chức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh **Nhiệm vụ 1:** GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong mục và sử dụng bản đồ hình 1 để trả lời cac câu hỏi sau: - Trình bày đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu? - Kể tên các biển và đại dương bao quanh châu Âu? Hình 1. Bản đồ tự nhiên châu Âu **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ cá nhân/nhóm cặp đôi. **Bước 3:** Báo cáo kết quả - HS trả lời câu hỏi. - Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung. **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh	**1. Vị trí địa lí,** + Vị trí địa lí: Châu Âu nằm ở phía tây lục địa Á - Âu, ngăn cách với châu Á bởi dãy núi U-ran. Phần lớn lãnh thổ châu Âu nằm giữa các vĩ luyến 36°B và 71°B, chủ yếu thuộc đới ôn hoà của bán cầu Bắc. + Hình dạng: Châu Âu có đường bờ biển bị cắt xẻ mạnh, tạo thành nhiều bán đảo, biển, vũng vịnh ăn sâu vào đất liền. + Kích thước: Châu Âu có diện tích trên 10 triệu km2, so với các châu lục khác thì chỉ lớn hơn châu Đại Dương. - Châu Âu có phía bắc giáp Bắc Băng Dương, phía tây giáp Đại Tây Dương, phía nam giáp Địa Trung Hải và Biển Đen, phía đông giáp châu Á.

2.2. Tìm hiểu đặc điểm tự nhiêm châu Âu

a. Mục tiêu

- Phân tích được đặc điểm các khu vực địa hình chính của châu Âu; đặc điểm phân hoá khí hậu; xác định được trên bản đổ các sông lớn (Rai-nơ, Đa-nuýp, Vôn-ga); các đới thiên nhiên ở châu Âu.

b. Nội dung

- Đọc thông tin trong mục a và quan sát hình 1, hãy:

+ Phân tích đặc điểm các khu vực địa hình chính ở châu Âu.

+ Xác định vị trí một số dãy núi và đổng bằng lớn ở châu Âu.

- Dựa vào thông tin trong mục b và hình 3, hãy trình bày dặc điểm phân hoá khí hậu ở châu Âu.

- Hãy xác định các sông: Von-ga, Đa-nuýp, Rai nơ trên bản đồ hình 1.

- Đọc thông tin và quan sát các hình ánh trong mục d, hãy trình bày đặc điểm các đới thiên nhiên ở châu Âu. Để thực hiện nhiệm vụ này, GV tổ chức cho HS hoàn thành nội dung phiếu học tập (theo mẫu)

Đới thiên nhiên	Phân bố	Đặc điểm khí hậu	Thực vật và đất	Động vật

c. Sản Phẩm

- Câu trả lời của học sinh.

* Châu Âu có hai khu vực địa hình: đồng bằng và miền núi.

+ Dồng bằng chiếm 2/3 diện tích châu lục.

+ Khu vực miến núi gồm núi già và núi trẻ. Địa hình núi già phân bố ở phía bắc và trung tâm châu lục; phần lớn là các núi có độ cao trung bình hoặc thấp. Địa hình núi trẻ phân bố chủ yếu ở phía nam; phần lớn là các núi có độ cao trung bình dưới 2000 m.

+ Một số dãy núi: Xcan-đi-na vi, U-ran, An-pơ, Các-pát, Ban-căng,...

+ Một số đồng bằng: Bắc Âu, Đông Âu, Hạ lưu Đa-nuýp, Trung lưu Đa-nuýp,...

*Khí hậu châu Âu có sự phân hoá từ bắc xuống nam và từ tây sang đông, tạo nên nhiều đới và kiểu khí hậu khác nhau:

- Đới khí hậu cực và cận cực: quanh năm giá lạnh, lượng mưa trung bình năm dưới 500 mm.

- Đới khí hậu ôn đới phần hoa ihành các kiểu khí hậu khác nhau:

+ Khí hậu ôn đới hải dương: ôn hoà, mùa đông ấm, mùa hạ mát. Mưa quanh năm, lượng mưa khoảng 800- 1000 mm/năm trở lên.

+ Khí hậu ôn đới lục địa: mùa đông khô và lạnh, mùa hạ nóng và ẩm. Lượng mưa nhỏ, mưa chủ yếu vào mùa hạ, lượng mưa trung bình năm trên dưới 500 mm.

- Khí hậu cận nhiệt địa trung hải: mùa hạ khô và nóng, mùa đông ấm và mua nhiều. Lượng mưa trung bình năm từ 500 - 700 mm.

- Thông tin phản hồi phiếu học tập.

d. Cách thức tổ chức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm

Bước 1: Giao nhiệm vụ:

Nhiệm vụ 1: Hoạt động nhóm

- GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin trong SGK, kết hợp với quan sát hình 1.2.3.4 để hoàn thành các nhiệm vụ sau:

NHÓM 1,2: Địa hình

+ Châu Âu có các khu vực địa hình chính nào? Phần bố ở đâu?

+ Đặc điểm chính của mỗi khu vực địa hình?

- HS xác định được trên ban đồ một sô dãy núi và đồng bằng lớn ở châu Âu:

+ Một số dãy núi: Xcan-đi-na vi, U-ran, An-pơ, Các-pát, Ban-căng,...

+ Một số đồng bằng: Bắc Âu, Đông Âu, Hạ lưu Đa-nuýp, Trung lưu Đa-nuýp,...

NHÓM 3,4: Khí hậu

+ Từ bắc xuống nam có các đới, kiểu khí hậu nào? Từ tây sang đông có các kiểu khí hậu nào?

+ Đặc điểm của mỗi đới, mỗi kiểu khí hậu là gì?

+ Nhận xét chung về sự phần hoá khí hậu ở châu Âu.

NHÓM 5,6: Sông ngòi

+ Đặc điểm mạng lưới sông ngòi ở châu Âu?

+ Chế độ nước của sông ngòi tại đây như thế nào? Tên một số sông lớn ở châu Âu?

Nhiệm vụ 2: Cặp đôi

- GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm cặp, khai thác thông tin và quan sát các hình ảnh trong mục để hoàn thành phiếu học tập.

Đới thiên nhiên	Phân bố	Đặc điểm khí	Thực vật và	Động vật

PHIẾU HỌC TẬP

*Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

2. Đặc điểm tự nhiên

a. Địa hình

- Châu Âu có hai khu vực địa hình: đồng bằng và miền núi.

+ Đồng bằng chiếm 2/3 diện tích châu lục.

+ Khu vực miến núi gồm núi già và núi trẻ. Địa hình núi già phân bố ở phía bắc và trung tâm châu lục; phần lớn là các núi có độ cao trung bình hoặc thấp. Địa hình núi trẻ phân bố chủ yếu ở phía nam; phần lớn là các núi có độ cao trung bình dưới 2000 m

b. Khí hậu

- Khí hậu châu Âu có sự phân hoá từ bắc xuống nam và từ tây sang đông, tạo nên nhiều đới và kiểu khí hậu khác nhau:

c. Sông ngòi

- Có nguồn nước dồi dào và chế độ nước phức tạp.

d. Các đới thiên nhiên

- HS trao đổi và trả lời các câu hỏi. *Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc - Gọi 1 học sinh bất kì trả lời câu hỏi. - HS khác nhận xét, bổ sung - GV tóm lắt, nhận xét phần trình bày của HS, chuẩn hoá kiến thức và làm rõ thêm: + Khí hậu châu Âu có sự phân hoá đa dạng từ bắc xuống nam và từ tầy sang đông. + Từ bắc xuống nam có các đới khí hậu cực và cận cực, ôn đới và kiểu khí hậu cận nhiệt địa trung hải. + Từ tây sang đông có các kiểu khí hậu ôn đới hải dươiig và ôn đới lục địa. Khu vực Tây Âu do chịu ảnh hưởng trực tiếp của dòng biển nóng Bắc Đại lầy Dương và gió Tây ôn đới từ biển vào, vì thế khí hậu điếu hoa, múa đông tương đối ấm, mùa hạ mát: mưa quanh năm, lượng mưa trung bình năm từ 800 - 1 000 mm trở lên. Vào sầu trong lục địa: mùa đông khô và lạnh, mùa hạ nóng và ẩm, lượng mưa ít (khoảng 500 mm/năm), mưa chủ yếu vào mùa hạ. - GV yêu cầu IIS đọc phần "Em có biết" để có thêm thông tin về các sông lớn ở châu Âu. - GV có thể cung cấp thêm cho HS hình ảnh, video về cảnh quan, giới sinh vật ở các đới thiên nhiên châu Âu. - GV có thể cung cấp thêm thông tin: Các sông đổ ra Bắc Băng Dương thường đóng băng trong một thời gian dài vào mùa đông, nhất là khu vực các cửa sông. *Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh - Chuẩn kiến thức:	

3. Hoạt đông luyện tập

a. Mục tiêu

- Củng cố cho HS về đặc điểm khí hậu của châu Âu.

- Rèn luyện kĩ năng đọc và phân tích biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa.

b. Nội dung

- Xác định mỗi biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa dưới đây thuộc kiểu khí hậu nào ở châu Âu. Giải thích vì sao.

c. Sản Phẩm

- Biểu đồ của Gla-xgâu thuộc kiểu khí hậu ôn đới hải dương, vì mùa đông tương đối ấm, mùa hạ mát, chênh lệch nhiệt độ trung bình giữa tháng cao nhất và tháng thấp nhất ít (khoảng 11°C); có mưa quanh năm và lượng mưa trung bình năm Ircn 1 000 mm.
- Biểu đồ của Rô-ma thuộc kiểu khí hậu cận nhiệt địa trung hải, vì có mùa hạ nóng (nhiệt độ trung bình tháng cao nhất trên 25°C) và ít mưa, mùa đông mát dịu và mưa nhiều; lượng mưa trung bình năm trên 700 mm.
- Biểu đồ của Ô-đét-xa thuộc kiểu khí hậu ôn đới lục địa, vì có mùa đông lạnh, mùa hạ nóng, chênh lệch nhiệt độ trung bình giữa tháng cao nhất và tháng thấp nhất lớn (trên 25°C); lượng mưa trung bình năm dưới 500 mm.

d. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh: Xác định mỗi biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa dưới đây thuộc kiểu khí hậu nào ở châu Âu. Giải thích vì sao?

- GV cho HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ.

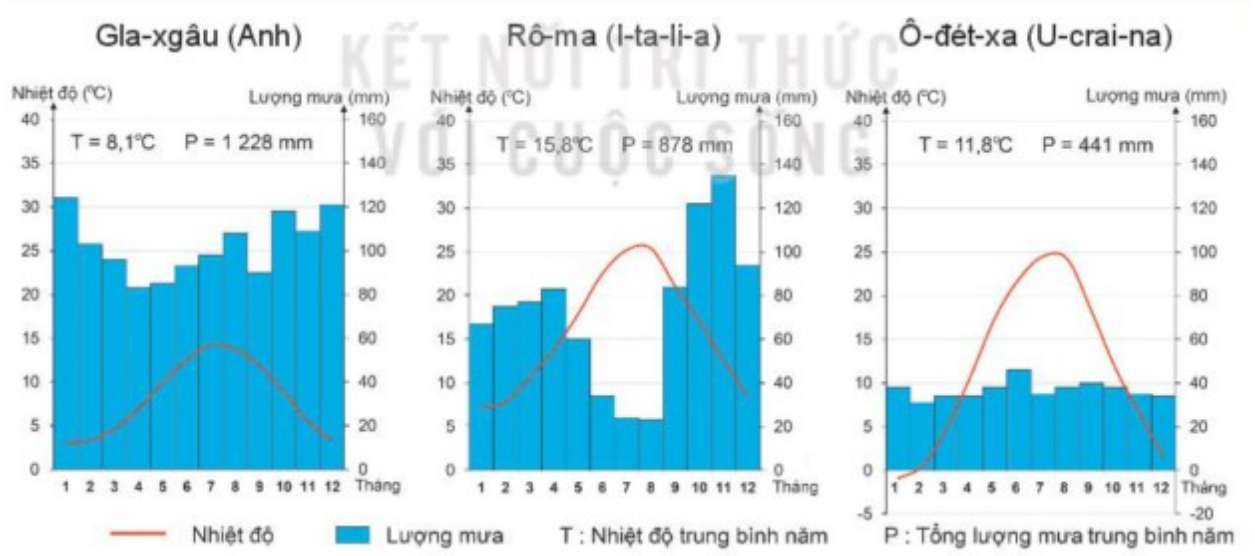

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS dựa vào kiến thức đã học trong bài để tra lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc

- GV yêu cầu một vài HS/nhóm trình bày câu trả lời, các HS khác lắng nghe, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

4. Hoạt đông vận dụng, mở rộng

a. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

b. Nội dung

c. Sản Phẩm

- Câu trả lời của học sinh.

d. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Thời gian 1 phút: Nối cột quốc gia với môi trường tương ứng.
- Hãy thiết kế 1 bức tranh về môi trường mà em thích nhất sau khi học bài Vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên châu Âu.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc vào tuần học tiếp theo.

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

PHỤ LỤC

Phản hồi phiếu học tập

Đới thiên	Phân bố	Đặc điểm khí hậu	Thực vật và đất	Động vật
Đới lạnh	Các đảo, quần đảo ở Bắc Băng Dương và một dải hẹp ở Bắc Âu	Hàn đới, quanh năm lạnh giá.	Chủ yếu là rêu, địa y, cây bụi. Mặt đất bị tuyết bao phủ quanh năm.	Một số loài chịu được lạnh.
Đới ôn hoà	Bắc Âu	Khí hậu lạnh và am ướt.	Chủ yếu là rừng lá kim. Nhóm đất điển hình là đất pốt dôn.	Da dạng về số loài và số lượng cá thể trong mỗi loài. Có các loài thú lớn: gấu nâu, chồn, linh miêu, chó sói, sơn dương,... cùng nhiều loai bò sát và các loài chim.
	Tây Âu và Trung Âu	- Tây Âu có khí hậu ôn hoà, mùa đông ấm, mùa hạ mát, mưa nhiều. - Trung Âu có lượng mưa ít, mùa đông lạnh, mùa hạ nóng.	Thực vật có rừng lá rộng. Sâu trong lục địa là rừng hỗn hợp. Nhóm đất điển hình là đất rừng nâu xám.	
	Đông Nam Âu	Khí hậu mang tính chất lục địa, mưa ít.	Chủ yếu là thảo nguyên ôn đới. Đất điển hình là đất đen thảo nguyên ôn đới.	

Nam Âu	Khí hậu cận nhiệt địa trung hải, mùa hạ nóng, khô; mùa đông ấm và có mưa.	Rừng và cây bụi lá cứng phát triển.

Trường:..... Họ và tên giáo viên:
Tổ:.....
Ngày: ..... …….....

TÊN BÀI DẠY - BÀI 2:
ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ XÃ HỘI CHÂU ÂU
Môn học/Hoạt động giáo dục: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ; Lớp: 7
Thời gian thực hiện: Tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hoá ở châu Âu.
- Phân tích được bảng số liệu về dân cư.
- Đọc được bản đồ tỉ lệ dân đô thị và một số đô thị ở châu Âu, năm 2020.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Tự học và hoàn thiện các nhiệm vụ thông qua phiếu học tập.
+ Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.
+ Giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Năng lực Địa lí

+ Năng lực nhận thức Địa lí: giải thích hiện tượng và quá trình địa lí dân cư - xã hội.
+ Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí.
+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ : Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.
- Nhân ái: Tôn trọng ý kiến của người khác, có ý thức học hỏi lẫn nhau.
- Trung thực : Tự giác tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập (cá nhân/nhóm).
- Yêu khoa học, biết khám phá, tìm hiểu các vấn đề xã hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Bản đồ tỉ lệ dân đô thị và một số đô thị ở châu Âu, năm 2020.

- Các bảng số liệu về dân cư châu Âu.
- Hình ảnh, video về dân cư, đô thị,... ở châu Âu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động xuất phát/ khởi động

a. Mục tiêu

- Kết nối vào bài học, tạo hứng thú cho người học.

b. Nội dung

- Đưa học sinh vào tình huống có vấn đề để các em tìm ra câu trả lời, sau đó giáo viên kết nối vào bài học.

c. Sản phẩm

- Câu trả lời cá nhân của học sinh.

d. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ: Đặt tên cho bức ảnh sau?

Bước 2: HS tiến hành hoạt động trong 2 phút.

Bước 3: HS trả lời câu hỏi: Già hóa dân số

Bước 4: GV chuẩn kiến thức và kết nối vào bài mới.

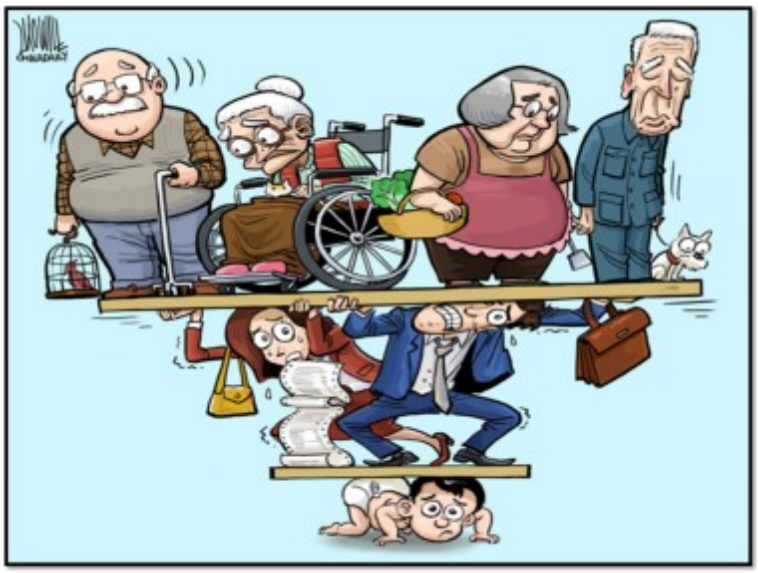

Như vậy, trong bức tranh trên, các em có thể thấy người già nhiều hơn người trẻ và chỉ có ít người trẻ nhưng phải gồng gánh khá nhiều người già. Đây là một bức tranh biếm họa về già hóa dân số. tình trạng này thường xảy ra chủ yếu ở các nước phát triển, đặc biệt là châu Âu. Để biết rõ hơn về dân cư, xã hội châu Âu thì các em sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu đặc điểm cơ cấu dân cư châu Âu.

a. Mục tiêu

- Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư ở châu Âu.
- Phân tích được bảng số liệu về dân cư.

b. Nội dung

- Đọc thông tin và khai thác bảng số liệu 1, 2 trong mục 1, hãy nêu đặc điểm cơ cấu dân cư ở châu Âu.

c. Sản Phẩm:

- Năm 2020, số dân của châu Âu khoảng 747 triệu người (bao gồin cả số dân Liên bang Nga) và đứng thứ tư thế giới (sau châu Á, châu Phi, châu Mỹ).

- Châu Âu có cơ cấu dân số già. Tỉ lệ người dưới 15 tuổi thấp và có xu hướng giảm (năm 1990 là 20,5%, năm 2020 giảm xuống còn 16,1%); tỉ lệ người từ 65 tuổi trở lên cao và có xu hướng tăng (năm 1990 là 12,6%, năm 2020 tăng lên 19,1%).
- Các quốc gia ở châu Âu có tình trạng mất cân bằng giới tính, với số nữ nhiều hơn số nam: năm 1990 tỉ lệ nữ là 51,9%, tỉ lệ nam là 48,1%; năm 2020 tỉ lệ nữ là 51,7%, tỉ lệ nam là 48,3%.
- Dân cư châu Âu có trình độ học vấn cao, ảnh hưởng rõ rệt đến năng suất lao động ở châu Âu. Năm 2020, số năm đi học bình quân của người trên 25 tuổi ở châu Âu là 11,8 năm, thuộc hàng cao nhất thế giới.

d. Cách thức tổ chức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong mục và khai thác bảng 1, 2 để trả lời các câu hỏi sau: + Dân số Châu Âu năm 2020? So sánh với các châu lục khác trên thế giới? + Chứng minh châu Âu có cơ cấu dân số già và có tình trạng mất cân bằng giới tính? + Dân số già có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển KTXH của các quốc gia ở châu Âu? + Trình độ học vấn của dân cư châu Âu? **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ cá nhân. **Bước 3:** Báo cáo kết quả - HS trả lời câu hỏi. - Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung. **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh. - Chuẩn kiến thức:	**1. Cơ cấu dân cư** - Số dân châu Âu năm 2020 là 747 triệu người, đứng thứ tư thế giới. - Châu Âu có cơ cấu dân số già. - Châu Âu có tình trạng mất cân bằng giới tính. - Dân cư châu Âu có trình độ học vấn cao.

2.2. Tìm hiểu đặc điểm đô thị hóa ở châu Âu

a. Mục tiêu

- Trình bày được đặc điểm đô thị hoá ở châu Âu.
- Đọc được bản đồ tỉ lệ dân đô thị và một số đô thị ở châu Âu, năm 2020.

b. Nội dung

- Đọc thông tin trong mục 2, cho biết các đặc điểm của đô thị hoá ở châu Âu.

- Hoàn thiện thông tin phiếu học tập.

c. Sản Phẩm

Bộ câu hỏi trò chơi "trả lời nhanh"	
Câu hỏi	**Đáp án**
Câu 1: Đô thị hóa ở châu Âu bắt đầu từ khi nào?	Châu Âu có lịch sử đô thị hoá lâu đời. Từ thế kỉ XIX, quá trình đô thị hoá gắn liền với công nghiệp hoá.
Câu 2: Ở các vùng công nghiệp lâu đời, mạng lưới đô thị được phát triển như thế nào?	Nhiều đô thị mở rộng và nối liền với nhau tạo thành dải đô thị, cụm đô thị xuyên biên giới.
Câu 3: Đô thị hóa nông thôn ở châu Âu? Nguyên nhân?	Đô thị hoá nông thôn phát triển nhanh, tạo nên các đô thị vệ tinh. Do sự phát triển cn và mở rộng diện tích các vùng nông thôn.
Câu 4: Tỉ lệ dân thành thị ở châu Âu năm 2020?	Cao, 75%
Câu 5: Kể tên các đô thị trên 5 triệu dân ở châu Âu?	Pa-ri, Mát-xcơ-va, Luân Đôn, Xanh Pê-téc-bua, Ma-đrít, Bác-xê-lô-na.

d. Cách thức tổ chức

<table>
<tr><th>Hoạt động của giáo viên và học sinh</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>Bước 1: GV phổ biến trò chơi "trả lời nhanh". GV đọc câu hỏi, các cặp sẽ ghi câu trả lời vào bảng phụ. Mỗi câu trả lời trong 10s. Hết thời gian, các cặp đồng loạt giơ đáp án lên. GV đọc đáp án và đánh dấu nhanh lên bảng các cặp có đáp án đúng. Cuối trò chơi sẽ tổng kết những cặp trả lời được nhiều câu đúng là những cặp chiến thắng.
<table>
<tr><th colspan="2">Bộ câu hỏi trò chơi "trả lời nhanh"</th></tr>
<tr><th>Câu hỏi</th><th>Đáp án</th></tr>
<tr><td>Câu 1: Đô thị hóa ở châu Âu bắt đầu từ khi nào?</td><td></td></tr>
<tr><td>Câu 2: Ở các vùng công nghiệp lâu đời, mạng lưới đô thị được phát triển như thế nào?</td><td></td></tr>
<tr><td>Câu 3: Đô thị hóa nông thôn ở châu Âu? Nguyên nhân?</td><td></td></tr>
<tr><td>Câu 4: Tỉ lệ dân thành thị ở châu Âu năm 2020?</td><td></td></tr>
</table></td><td>2. Đô thị hóa
- Châu Âu có lịch sử đô thị hoá lâu đời. Từ thế kỉ XIX, quá trình đô thị hoá gắn liền với công nghiệp hoá.
- Ở các vùng công nghiệp lâu đời, nhiều đô thị mở rộng và nối liền với nhau tạo thành dải đô thị, cụm đô thị xuyên biên giới.
- Đô thị hoá nông thôn phát triển nhanh, tạo nên các đô thị vệ tinh.
- Châu Âu có mức độ đô thị hoá cao (75% dân cư sống ở thành thị) và có sự khác nhau giữa các khu vực.</td></tr>
</table>

Câu 5: Kể tên các đô thị trên 5 triệu dân ở châu Âu?		

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ
- HS trao đổi và trả lời các câu hỏi.

Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc
- Gọi 1 học sinh bất kì trả lời câu hỏi.
- HS khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức
- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh
- Chuẩn kiến thức:

2.3. Tìm hiểu đặc điểm di dân ở châu Âu

a. Mục tiêu

- Trình bày được vấn đề di cư ở châu Âu.

b. Nội dung

c. Sản Phẩm

- Nhập cư là một trong những nguyên nhân quan trọng khiến châu Âu là một châu lục đông dân từ thời cổ đại.
- Từ đầu thế kỉ XX đến đầu thế kỉ XXI, số lượng người từ các châu lục, khu vực khác nhập cư vào châu Âu ngày càng nhiều. Năm 2019, châu Âu tiếp nhận khoảng 82 triệu người di cư quốc tế.
- Di cư trong nội bộ châu Âu ngày càng gia tăng và có ảnh hưởng đến dân số của các quốc gia.

d. Cách thức tổ chức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ: Dựa vào thông tin mục 3 SGK và hiểu biết của mình, em hãy cho biết: - Tại sao từ thời cổ đại châu Âu đã là một châu lục đông dân cư? - Tình hình nhập cư ở châu Âu từ đầu thế kỉ XX đến đầu thế kỉ XXI? Nguyên nhân? - Phân tích ảnh hưởng của di dân trong nội bộ châu Âu đến dân số của các quốc gia châu Âu? *Gv giải thích ngắn gọn thuật ngữ di cư, di cư quốc tế và di cư nội địa. **Bước 2**: HS thực hiện nhiệm vụ	**3. Di cư** - Nhập cư là một trong những nguyên nhân quan trọng khiến châu Âu là một châu lục đông dân từ thời cổ đại. - Từ đầu thế kỉ XX đến đầu thế kỉ XXI, số lượng người từ các châu lục, khu vực khác nhập cư vào châu Âu ngày càng nhiều. Năm 2019, châu Âu tiếp nhận khoảng 82 triệu người di cư quốc tế. - Di cư trong nội bộ châu Âu ngày càng gia tăng và có ảnh hưởng đến dân số của các quốc gia.

- HS trao đổi và trả lời các câu hỏi.

Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc

- Gọi 1 học sinh bất kì trả lời câu hỏi.
- HS khác nhận xét, bổ sung

Theo số liệu từ Ủy ban Liên hợp quốc về người tị nạn (UNHCR), chỉ tính riêng sáu tháng đầu năm 2015, đã có 137 000 người tị nạn và di cư cố gắng vào EU, tăng 83% so với cùng kì năm 2014. Phần lớn người di cư, tị nạn đến từ Xi-ri, I-rắc, Áp-ga-ni-xtan (là những quốc gia bị ảnh hưởng bởi chiến tranh). Đối với một số người, cuộc hành trình này sẽ là chuyến đi cuối cùng của họ. Hàng nghìn người đã thiệt mạng hoặc mất tích kể từ năm 2015. Năm 2018, hơn 138 000 người đã cố gắng đến châu Âu bằng đường biển, hơn 2 000 người trong số họ đã bị chết đuối.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh
- Chuẩn kiến thức:

3. Hoạt đông luyện tập

a. Mục tiêu

- Rèn luyện kĩ năng vẽ biểu đồ tròn và nhận xét biểu đổ.
- Củng cô kiến thức về đặc điểm dân cư cua châu Âu.

b. Nội dung

- Dựa vào bảng 1 trang 101, vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở châu Âu năm 1990 và năm 2020. Nêu nhận xét.

c. Sản Phẩm

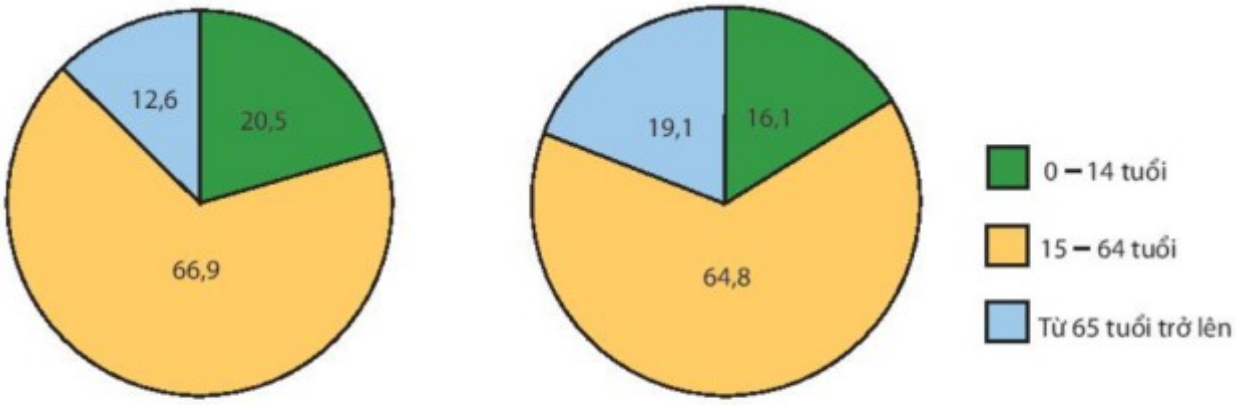

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU DÂN SỐ THEO NHÓM TUỔI Ở CHÂU ÂU NĂM 1990 VÀ NĂM 2020 (%)

*Nhận xét: Châu Âu có cơ cấu dân số già. Giai đoạn 1990 - 2020, trong cơ cấu dân số châu Âu, nhóm 0-14 tuổi và 15-64 tuổi có xu hướng giảm, nhóm trên 65 tuổi có xu hướng tăng.

+ Nhóm 0-14 tuổi chiếm tỉ lệ thấp, có xu hướng giảm. Năm 1990 là 20,5%, năm 2020 giảm xuống còn 16,1% (giảm 4,4%).

+ Nhóm 15-64 tuei chiếm tỉ lệ lớn nhất nhưng cũng đang có xu hướng giảm. Năm 1990 là 66,9%, năm 2020 là 64,8% (giảm 2,1%).

+ Nhóm từ 65 tuổi trở lên tăng nhanh. Năm 1990 chiếm tỉ lệ 12,6%, năm 2020 tăng lên 19,1% (tăng 6,5%).

d. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

- GV cho HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ, yêu cầu HS/nhóm trình bày kết quả làm việc

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc

- GV yêu câu một vài HS/nhóm trình bày câu trả lời, các HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

4. Hoạt đông vận dụng, mở rộng

a. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

b. Nội dung

- Tìm hiểu chính sách dân số ở một số quốc gia châu Âu.

c. Sản Phẩm

- Câu trả lời của học sinh.

d. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ: Tại sao nhiều quốc gia ở châu Âu khuyến khích các cặp vợ chồng sinh thêm con? Liên hệ với Việt Nam?

Nhiều quốc gia châu Âu khuyến khích các cặp vợ chồng sinh thêm con.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc.

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

*GV mở rộng: Dự kiến đến năm 2050, số người từ 65 tuổi trở lên ở châu Âu sẽ chiếm 27% - hơn 1/4 dân số (theo WIIO). Để giải quyết vấn đề dân số già, các quốc gia châu Âu đã đưa ra nhiều biện pháp, một trong số đó là tăng tỉ lệ sinh. Theo Liên hợp quốc, 2/3 các quốc gia ở châu Âu đã đưa ra các biện pháp để tăng tỉ lệ sinh như thưởng tiền, nghỉ phép có lương cho các cha mẹ khi sinh con. Ví dụ: Ở Hy Lạp, mỗi đứa bé sinh ra sẽ được tặng 2 000 ơ-rô để khuyến khích người dân sinh them con. Ở Phần Lan, ngoài khoản tiền thưởng 10 000 ơ-rô khi sinh con, các ông bố cũng sẽ được nghỉ thai sản có lương giống như các bà mẹ. Hay như ở Hung-ga-ri, khi một phụ nữ sinh con thứ tư, sẽ được miễn thuế thu nhập cá nhân vĩnh viễn.

Trường:..... Họ và tên giáo viên:

Tổ:.....

Ngày: ....

TÊN BÀI DẠY - BÀI 3:
KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ THIÊN NHIÊN Ở CHÂU ÂU

Môn học/Hoạt động giáo dục: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ; Lớp: 7

Thời gian thực hiện: Tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được một vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu.
- Biết cách khai thác thông tin qua hình ảnh.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Tự học và hoàn thiện các nhiệm vụ thông qua phiếu học tập.

+ Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.

+ Giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Năng lực Địa lí

+ Năng lực nhận thức Địa lí: phân tích mối quan hệ tác động qua lại giữa các đối tượng tự nhiên và kinh tế - xã hội.

+ Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí.

+ Năng lực vận dụng kiến thức, kí năng Địa lí vào cuộc sống.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ : Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.
- Nhân ái: Tôn trọng ý kiến của người khác, có ý thức học hỏi lẫn nhau.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập (cá nhân/nhóm).
- Yêu thiên nhiên; có ý thức bảo vệ thiên nhiên.
- Yêu khoa học, ham học hỏi.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Hình ảnh, video về một số hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường ở châu Âu.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động xuất phát/ khởi động

a. Mục tiêu

- Kết nối vào bài học, tạo hứng thú cho người học.

b. Nội dung

- Đưa học sinh vào tình huống có vấn đề để các em tìm ra câu trả lời, sau đó giáo viên kết nối vào bài học.

c. Sản phẩm

- Câu trả lời cá nhân của học sinh.

d. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ:
- Quan sát đoạn video dưới đây https://www.youtube.com/watch?v=pnjGzmFjdAs, em hãy cho biết nội dung chính của đoạn video? Nguyên nhân của thực trạng đó?

Bước 2: HS tiến hành hoạt động trong 2 phút.

Bước 3: HS trả lời câu hỏi:

Bước 4: GV chuẩn kiến thức và kết nối vào bài mới.

Ô nhiễm không khí ở châu âu gây thiệt hại 190 tỷ euro

Euro *là đơn vị tiền tệ của Liên minh Tiền tệ châu Âu, là tiền tệ chính thức trong 19 quốc gia thành viên của Liên minh châu Âu và trong 6 nước và lãnh thổ không thuộc Liên minh châu Âu.*

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu

a. Mục tiêu

- Trình bày được vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu.
- Biết cách khai thác thông tin qua hình ảnh.

b. Nội dung

- Dựa vào thông tin và hình ảnh trong mục a, b hãy trình bày vấn đề báo vệ môi trường ở châu Âu.

c. Sản Phẩm:

- Một số giải pháp cải thiện điất lượng không khí của các quốc gia ở châu Âu:

+ Kiểm soát lượng khí thải trong khí quyển.

+ Giảm khí thải co2 vào khí quyển bằng cách đánh thuế các-bon, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các nhiên liệu có hàm lượng các bon cao.

+ Đầu tư phát triển công nghệ xanh, năng lượng tái tạo để dần thay thế năng lượng hoá thạch.

+ Đối với thành phố: giảm lượng xe lưu thông, Ưu tiên giao thông công cộng, xây dựng cơ sở hạ tầng ưu tiên cho người đi xe đạp và đi bộ.

- Trước đây, môi trường nước ở châu Âu bị ô nhiễm do các chất thải từ hoạt động sản xuất và sinh hoạt. Nhờ các biện pháp bảo vệ nên môi trường nước hiện nay đã được cải thiện:

+ Tăng cường kiểm soát đầu ra của nguồn rác thải, hoá chất độc hại từ sản xuất nông nghiệp.

+ Xử lí rác thải, nước thải từ sinh hoạt và sản xuất công nghiệp trước khi thải ra môi trường.

+ Kiểm soát và xử lí các nguồn gây ô nhiễm từ hoạt động kinh tế biển.

+ Nâng cao ý thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường nước, …

d. Cách thức tổ chức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh: Hoạt động nhóm

- Dựa vào thông tin và hình ảnh trong mục a, b. Các em hãy trao đổi và hoàn thiện thông tin trong phiếu học tập sau.

Ô nhiễm môi trường	Ô nhiễm không khí (Nhóm 1,3,5)	Ô nhiễm nước (Nhóm 2,4,6)
Nguyên nhân		
Giải pháp		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ nhóm.

- Các nhóm thảo luận, thống nhất nội dung báo cáo.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS trả lời câu hỏi.
- Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.

*GV mở rộng

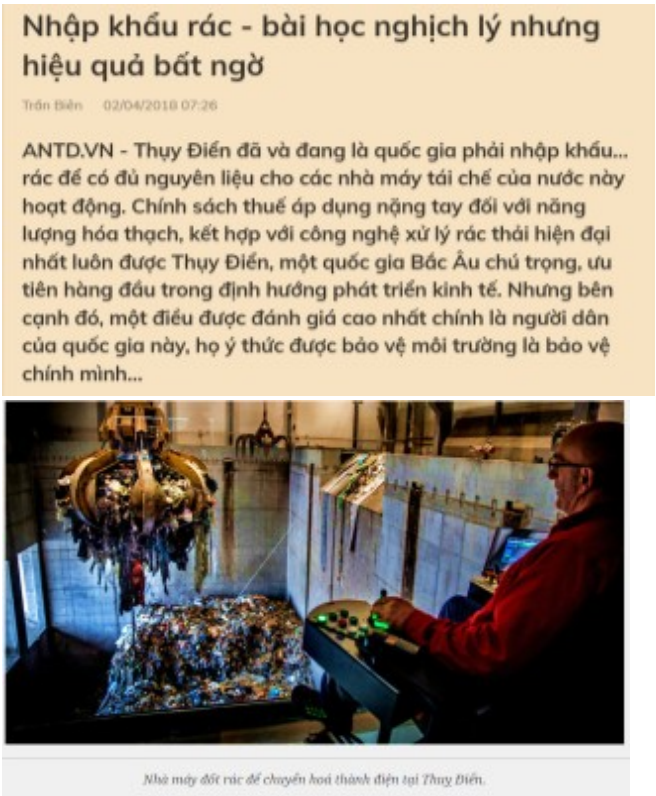

Nhập khẩu rác - bài học nghịch lý nhưng hiệu quả bất ngờ

Trần Biên 02/04/2018 07:26

ANTD.VN - Thụy Điển đã và đang là quốc gia phải nhập khẩu... rác để có đủ nguyên liệu cho các nhà máy tái chế của nước này hoạt động. Chính sách thuế áp dụng nặng tay đối với năng lượng hóa thạch, kết hợp với công nghệ xử lý rác thải hiện đại nhất luôn được Thụy Điển, một quốc gia Bắc Âu chú trọng, ưu tiên hàng đầu trong định hướng phát triển kinh tế. Nhưng bên cạnh đó, một điều được đánh giá cao nhất chính là người dân của quốc gia này, họ ý thức được bảo vệ môi trường là bảo vệ chính mình...

Nhà máy đốt rác để chuyển hoá thành điện tại Thụy Điển.

Thụy Điển là một trong những quốc gia hàng đầu về xử lí rác thải. Để có được thành công này, Thụy Điển đã phải nỗ lực hàng chục năm nhờ những quy định chặt chẽ về phần loại rác thải trong các hộ gia đình, nhà máy và địa

1. Bảo vệ môi trường

Ô nhiễm môi trường	Ô nhiễm không khí (Nhóm 1,3,5)	Ô nhiễm nước (Nhóm 2,4,6)
Nguyên nhân	- Sản xuất công nghiệp - GT vận tải	- Nước thải sản xuất và sinh hoạt.
Giải pháp	+ Kiểm soát lượng khí thải trong khí quyển. + Giảm khí thải co2 vào khí quyển bằng cách đánh thuế các-bon, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các nhiên liệu có hàm lượng các bon cao. + Đầu tư phát triển công nghệ xanh, năng lượng tái tạo để dần thay thế năng lượng hoá thạch. + Đối với thành phố: giảm lượng xe lưu thông, Ưu tiên giao thông công cộng, xây dựng cơ sở hạ tầng ưu tiên	+ Tăng cường kiểm soát đầu ra của nguồn rác thải, hoá chất độc hại từ sản xuất nông nghiệp. + Xử lí rác thải, nước thải từ sinh hoạt và sản xuất công nghiệp trước khi thải ra môi trường. + Kiểm soát và xử lí các nguồn gây ô nhiễm từ hoạt động kinh tế biển. + Nâng cao ý thức của người dân trong việc bảo vệ môi

	cho người đi xe đạp và đi bộ.	trường nước, …

phương từ những năm 1970. Chỉ khoảng 1% rác thải sinh hoạt ở Thuỵ Điển được đưa vào các bãi chôn lấp. Phần còn lại sẽ được tái chế hoặc sử dụng làm nhiên liệu trong các nhà máy điện, hiến chất thải thành năng lượng. Do vậy, Thụy Điển còn xảy ra tình trạng thiếu rác thải nhiên liệu. Theo Cơ quan Bảo vệ Môi trường Thụy Điển, hơn **2,5 triệu tấn chất thải được nhập khẩu vào Thuỵ Điển mỗi năm**, phần lớn từ Na Uy và Anh.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.
- Chuẩn kiến thức:

2.2. Tìm hiểu vấn đề bảo vệ đa dạng sinh học ở châu Âu

a. Mục tiêu

- Trình bày được vấn để bảo vệ đa dạng sinh học ở châu Âu.
- Biết cách khai thác thông tin qua hình ảnh.

b. Nội dung

- Dựa vào thông tin và hình ảnh trong mục 2 trình bày vấn đề bảo vệ đa dạng sinh học ở châu Âu.

c. Sản Phẩm

- Đa dạng sinh học ở châu Âu rất được các nước chú trọng bảo vệ, các hệ sinh thái trên cạn và dưới nước được bảo tồn tương đối tốt.
- Các nước châu Âu đã ban hành nhiều chính sách bảo vệ và phát triển rừng bền vững, giảm thiểu các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nước và môi trường đất để bảo vệ sự đa dạng sinh học.

d. Cách thức tổ chức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ **Nhiệm vụ 1**: Dựa vào thông tin mục 2 và hiểu biết của mình, em hãy cho biết: Vai trò của các hệ sinh thái và sự đa dạng sinh học đối với con người và sự phát triển KTXH? **Nhiệm vụ 2:** Quan sát bảng bên, hãy nêu nhận xét về tỉ lệ che phủ rừng bình quân của châu Âu và một số quốc gia châu Âu năm 2020?	**2. Bảo vệ đa dạng sinh học** - Đa dạng sinh học ở châu Âu rất được các nước chú trọng bảo vệ, các hệ sinh thái trên cạn và dưới nước được bảo tồn tương đối tốt. - Các nước châu Âu đã ban hành nhiều chính sách bảo vệ và phát triển rừng bền vững, giảm thiểu các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nước và môi trường đất để bảo vệ sự đa dạng sinh học.

Tỉ lệ che phủ rừng bình quân của châu Âu và một số quốc gia châu Âu, năm 2020

	Tỉ lệ che phủ rừng (%)
Châu Âu	**35**
Phần Lan	66
Thuỵ Điển	63
Đức	32
I-ta-li-a (Italia)	32
Pháp	31

Nhiệm vụ 3: Các quốc gia châu Âu đã có những giải pháp nào để góp phần bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ đa dạng sinh học ngày càng hiệu quả hơn?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS trao đổi và trả lời các câu hỏi.

Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc

- Gọi học sinh bất kì trả lời câu hỏi.
- HS khác nhận xét, bổ sung

*GV mở rộng:

- Quản lí rừng bền vững là vấn đề được các quốc gia châu Âu đặc biệt quan tâm. Hội nghị Bộ trưởng về Bảo vệ Rừng ở Châu Âu (MCPFE) được thành lập năm 1990, là tiến trình chính trị cấp cao lự nguyện nhằm đối thoại và hợp tác liên chính phủ để thúc đẩy quản lí rừng bến vững của châu Âu. MCPFE xây dựng các chiến lược chung cho 46 thành viên về cách báo vệ, quản lí rừng bền vững và cần bằng các trụ cột kinh tế, môi trường và xã hội của mỗi quốc gia.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thân học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh
- Chuẩn kiến thức:

2.3. Tìm hiểu vấn đề ứng phó với BĐKH ở châu Âu

a. Mục tiêu

- Trình bày được vấn đề ứng phó với BĐKH ở châu Âu.

b. Nội dung

Dựa vào thông tin và quan sát hình 3 trong mục 3, hãy trình bày vấn đề ứng phó với biến đổi khí hậu ở châu Âu.

c. Sản Phẩm

- Châu Âu bị ảnh hưởng liên tiếp của các hiện tượng thời tiết cực đoan trong những năm gần đây như: các đợt nắng nóng bất thường ở Bắc Âu, các trận cháy rừng ở Nam Âu do nắng nóng, các đợt mưa lũ ở Tây và Trung Âu.
- Các hành động ứng phó với biến đổi khí hậu ở châu Âu:

+ Trồng và bảo vệ rừng giúp giảm thiểu khí co2, và giảm nguy cơ lũ lụt, chống hạn hán.

+ Hạn chế tối đa việc sử dụng nhiên liệu hoá thạch và phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, thân thiện với môi trường như năng lượng gió, mặt trời, sóng; biển, thuỷ triều.

d. Cách thức tổ chức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ 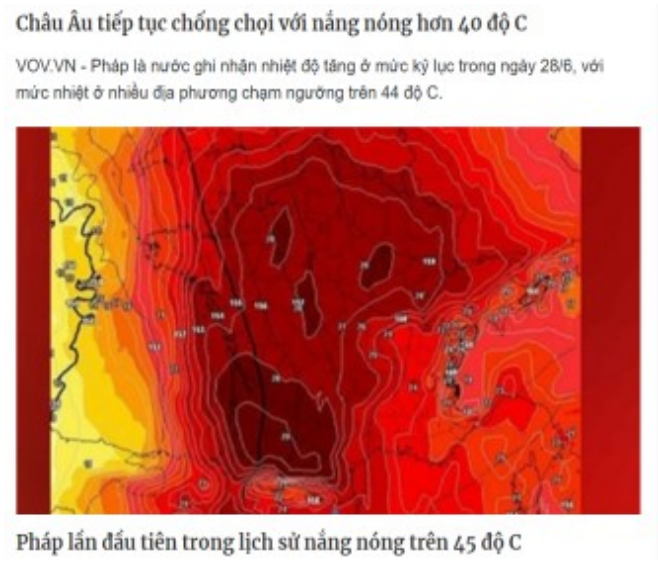 Hình 3. Nắng nóng, nhiệt độ tăng cao khiến cháy rừng lan rộng ở Tây Ban Nha năm 2021 Dựa vào thông tin mục 3 SGK và hiểu biết của mình, em hãy cho biết: + Nêu một số tác động của BĐKH đến các quốc gia châu Âu? + Giải pháp thích ứng và ứng phó với tác động của BĐKH ở các quốc gia châu Âu? **Bước 2**: HS thực hiện nhiệm vụ	**3. Vấn đề ứng phó với biến đổi khí hậu** - Các hành động ứng phó với biến đổi khí hậu ở châu Âu: + Trồng và bảo vệ rừng giúp giảm thiểu khí co2, và giảm nguy cơ lũ lụt, chống hạn hán. + Hạn chế tối đa việc sử dụng nhiên liệu hoá thạch và phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, thân thiện với môi trường như năng lượng gió, mặt trời, sóng; biển, thuỷ triều.

- HS trao đổi và trả lời các câu hỏi. **Bước 3**: HS báo cáo kết quả làm việc - Gọi 1 học sinh bất kì trả lời câu hỏi. - HS khác nhận xét, bổ sung *GV mở rộng: **EU, AFD hỗ trợ Việt Nam phòng chống biến đổi khí hậu** https://www.youtube.com/watch?v=N4xvf_wT-tw **Bước 4**: Đánh giá và chốt kiến thức - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh - Chuẩn kiến thức:	

3. Hoạt đông luyện tập

a. Mục tiêu

- Củng cố kiến thức về vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu.

b. Nội dung

- Vẽ sơ đồ tư duy về vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu.

c. Sản Phẩm

- Sơ đồ tư duy sáng tạo của học sinh về vấn đề môi trường ở châu Âu.

d. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

- GV cho HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ, yêu cầu HS/nhóm trình bày kết quả làm việc.

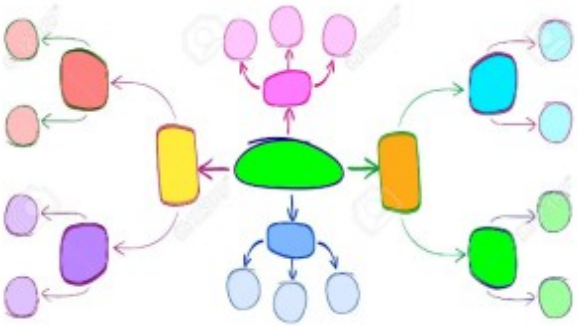

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc

- GV yêu câu một vài HS/nhóm trình bày câu trả lời, các HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

4. Hoạt đông vận dụng, mở rộng

a. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

b. Nội dung

- Tìm kiếm thông tin để mở rộng kiến thức về việc khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường ở một quốc gia của châu Âu.
- Rèn luyện năng lực tìm kiếm thông tin, giai quyết vấn đế,...

c. Sản Phẩm

- Bài thu hoạch về việc khai thác, sử dụng lài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường ở một quốc gia của châu Âu

d. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ: Tìm kiếm thông tin để mở rộng kiến thức về việc khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường ở một quốc gia của châu Âu.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc vào tuần học tiếp theo.

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

Trường:..... Họ và tên giáo viên:

Tổ:.....

Ngày: ..... …….....

TÊN BÀI DẠY - BÀI 4: LIÊN MINH CHÂU ÂU

Môn học/Hoạt động giáo dục: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ; Lớp: 7

Thời gian thực hiện: Tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được dẫn chứng về Liên minh châu Âu (EU) như một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.
- Đọc được bản đồ các nước thành viên của Liên minh châu Âu.
- Phân tích bảng số liệu về các trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Tự học và hoàn thiện các nhiệm vụ thông qua phiếu học tập.

+ Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.

+ Giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Năng lực Địa lí

+ Năng lực nhận thức Địa lí: Tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu.

+ Năng lực vận dụng kiến thức, kí năng Địa lí vào cuộc sống.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ : Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.
- Nhân ái: Tôn trọng ý kiến của người khác, có ý thức học hỏi lẫn nhau.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập (cá nhân/nhóm).
- Yêu khoa học, ham học hỏi.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Bản đồ các nước thành viên của Liên minh châu Âu, năm 2020.
- Bảng số liệu về GDP và GDP/người của các trung tâm kinh tế lớn trên thế giới năm 2020.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động xuất phát/ khởi động

a. Mục tiêu

- Kết nối vào bài học, tạo hứng thú cho người học.

b. Nội dung

- Đưa học sinh vào tình huống có vấn đề để các em tìm ra câu trả lời, sau đó giáo viên kết nối vào bài học.

c. Sản phẩm

- Câu trả lời cá nhân của học sinh.

d. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ: THỬ TÀI HIỂU BIẾT
- Quan sát hình và cho biết tên gọi của đồng tiền này?

Bước 2: HS tiến hành hoạt động trong 1 phút.
Bước 3: HS trả lời câu hỏi
Bước 4: GV chuẩn kiến thức và kết nối vào bài mới.

Euro *là đơn vị tiền tệ của Liên minh Tiền tệ châu Âu, là tiền tệ chính thức trong 19 quốc gia thành viên của Liên minh châu Âu và trong 6 nước và lãnh thổ không thuộc Liên minh châu Âu*

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu khái quát về Liên minh châu Âu (EU)

a. Mục tiêu
- Trình bày được khái quát về Liên minh châu Âu (EU).
- Xác định được các nước thánh viên của Liên minh châu Âu trên bản đồ.

b. Nội dung
- Hoàn thiện nội sung phiếu học tập
- Đọc thông tin trong mục và quan sát hình 1, hãy kể tên các nước thành viên của EU.

c. Sản Phẩm: Thông tin phản hồi phiếu học tập.

Liên minh châu Âu EU	
Câu hỏi	**Trả lời**
Câu 1: Tổ chức tiền thân của Liên minh châu Âu?	Cộng đồng kinh tế châu Âu (1957)
Câu 2: Liên minh châu Âu được thành lập vào thời gian nào?	01/11/1993
Câu 3: Trụ sở chính của tổ chức ở đâu?	Bruc-xen (Bỉ)
Câu 4: Tại sao nói Liên minh châu Âu là mô hình liên minh kinh tế toàn diện?	Có chính sách kinh tế chung, sử dụng đồng tiền chung euro.
Câu 5: Hiện nay có bao nhiêu nước thành viên?	27 nước thành viên

- HS sử dụng ban đồ hình 1, kể tên được 27 quốc gia thành viên của Liên minh châu Âu.
EU được mở rộng từng bước, qua nhiều giai đoạn. Đến 2004 đã có 25 thành viên, năm 2007 kết nạp thêm 2 thành viên mới là Bulgaria và Romanian và năm 2013 Croatia gia nhập EU nâng con số này lên tới 28 quốc gia. Tháng 6/2016, Anh rời Liên minh châu Âu sau cuộc trưng cầu dân ý ngày 23/6/2016 và chính thức có hiệu lực từ 31/1/2020.

d. Cách thức tổ chức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	**Dự kiến sản phẩm**

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

Nhiệm vụ 1: Dựa vào thông tin SGK, Em hãy hoàn thiện thông tin phiếu học tập sau

Liên minh châu Âu EU	
Câu hỏi	**Trả lời**
Câu 1: Tổ chức tiền thân của Liên minh châu Âu?	
Câu 2: Liên minh châu Âu được thành lập vào thời gian nào?	
Câu 3: Trụ sở chính của tổ chức ở đâu?	
Câu 4: Mục đích thành lập của Liên Minh châu Âu?	
Câu 5: Hiện nay có bao nhiêu nước thành viên?	

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về quá trình phát triển của Liên minh châu Âu EU.

- GV chia lớp thành 4 nhóm, phát cho mỗi nhóm 1 lược đồ trống các nước châu Âu. Yêu cầu các nhóm quan sát hình 60.1 Quá trình mở rộng liên minh châu Âu đến năm 2013:

+ Nhóm 1: tô màu xanh các nước gia nhập EU năm 1957 (6 nước: Italia, Pháp, Bỉ, Luc-xem-bua, Đức, Hà Lan)

+ Nhóm 2: tô màu hồng các nước gia nhập EU từ năm 1973 đến 1981 (Năm 1973 thêm 2 nước: Ailen, Đan Mạch. Năm 1981 thêm 1 nước: Hy Lạp.)

+ Nhóm 3: tô màu nâu các nước gia nhập EU từ năm 1986 đến 1995 (Năm 1986 thêm 2 nước: Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha. Năm 1995 thêm 3 nước: Áo, Thụy Điển, Phần Lan)

+ Nhóm 4: tô màu cam các nước gia nhập EU năm 2004 (kết nạp thêm 10 nước: Cộng

1. Khái quát về Liên minh châu Âu (EU)

- EU hiện nay có 27 quốc gia thành viên (Vương quốc Anh rời khỏi EU từ ngày 31 tháng 1 năm 2020)

+ EU đã thiết lập một thị trường chung và có hệ thống tiền tệ chung (đồng ơ-rô).

hòa Séc, Estonia, Hungary, Latvia, Lithuania, Ba Lan, Slovakia và Slovenia, Síp và Malta)

+ Nhóm 5: tô màu Tím các nước gia nhập EU năm 2007 đến 2013 (kết nạp thêm 3 nước thành viên: Bugaria, Romania, Croatia)

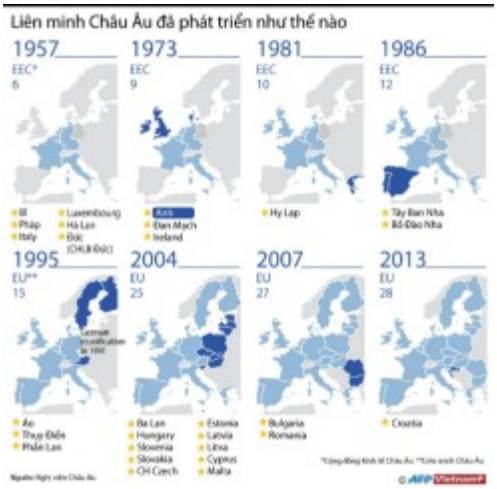

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ nhóm.

- Các nhóm thảo luận, thống nhất nội dung báo cáo.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS trả lời câu hỏi.
- Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.
- Chuẩn kiến thức:

2.2. Tìm hiểu trung tâm kinh tế lớn trên thế giới – Liên minh châu Âu.

a. Mục tiêu

- Nêu được dẫn chứng về Liên minh châu Âu (EU) như một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.
- Phần tích bảng số liệu về GDP và GDP/người của các trung tâm kinh tế lớn trên thế giới năm 2020.

b. Nội dung

- Dựa vào thông tin và bảng số liệu trong mục 2, nêu dẫn chứng để thấy EU là một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.

c. Sản Phẩm

- EU là một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới:
- EU đã thiết lập được một thị trường kinh tế duy nhất ở châu Âu, bao gồm lãnh thổ của tất cả các quốc gia thành viên.
- Có 3/7 nước công nghiệp hàng đầu thế giới.
- Là trung tâm trao đổi hàng hóa và dịch vụ lớn nhất thế giới, chiếm trên 31% giá trị xuất khẩu thế giới, năm 2020.
- Năm 2020, GDP của EU đứng thứ hai (sau Hoa Kỳ) và GDP/người đứng thứ ba trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới (sau Hoa Kỳ, Nhật Bản).
- Là đối tác thương mại hàng đầu của 80 quốc gia.
- Là trung tâm tài chính lớn trên thế giới. Các ngân hàng nổi tiếng, uy tín ở EU có tác động lớn đến hệ thống tài chính và tiền tệ thế giới.

d. Cách thức tổ chức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ: Cặp đôi Nhiệm vụ: Dựa vào thông tin SGK, bảng GDP và GDP/người của các trung tâm kinh tế lớn của thế giới năm 2020. Các em hãy trao đổi và tìm các dẫn chứng để chứng minh Liên minh châu Âu – Một trung tâm kinh tế lớn trên thế giới. **Bước 2**: HS thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi và trả lời câu hỏi **Bước 3**: HS báo cáo kết quả làm việc - Gọi học sinh bất kì trả lời câu hỏi. - HS khác nhận xét, bổ sung **Bước 4**: Đánh giá và chốt kiến thức - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh - Chuẩn kiến thức:	**2. Liên minh châu Âu - Một trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.** - EU là một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới: + Có 3/7 nước công nghiệp hàng đầu thế giới. + Là trung tâm trao đổi hàng hóa và dịch vụ lớn nhất thế giới, chiếm trên 31% giá trị xuất khẩu thế giới, năm 2020. + Năm 2020, GDP của EU đứng thứ hai (sau Hoa Kỳ) và GDP/người đứng thứ ba trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới (sau Hoa Kỳ, Nhật Bản). + Là đối tác thương mại hàng đầu của 80 quốc gia. + Là trung tâm tài chính lớn trên thế giới. Các ngân hàng nổi tiếng, uy tín ở EU có tác động lớn đến hệ thống tài chính và tiền tệ thế giới.

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu

- Rèn luyện kĩ năng xử lí số liệu và vẽ biểu đồ.

b. Nội dung

- Cho biết GDP của thế giới năm 2020 là 84 705,4 tỉ USD, hãy vẽ biểu đồ tròn thể hiện tỉ lệ GDP của EU trong tổng GDP của thế giới.

c. Sản Phẩm

- HS xử lí được số liệu và vẽ được biểu đồ tròn thể hiện tỉ lệ GDP của EU trong tổng GDP của thố giới.
- Năm 2020, GDP của thế giới là 84 705,4 tỉ USD; của EU là 15 192,6 tỉ USD. Ta có cơ cấu GDP của EU là: (15 192,6/84 705,4) X 100% = 17,9%.

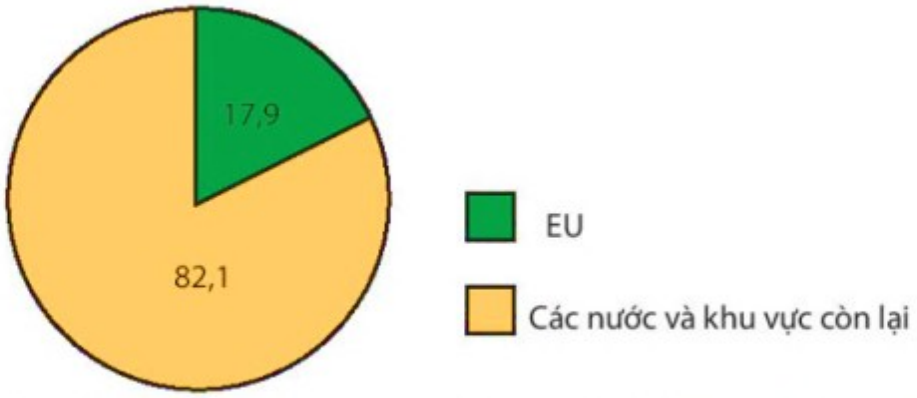

BIỂU ĐỒ TỈ LỆ GDP CỦA EU TRONG TỔNG GDP CỦA THẾ GIỚI NĂM 2020 (%)

d. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh:

Cho biết GDP của thế giới năm 2020 là 84 705,4 tỉ USD, hãy vẽ biểu đồ tròn thể hiện tỉ lệ GDP của EU trong tổng GDP của thế giới.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS cách xử lí số liệu và cách vẽ, chia tỉ lệ biểu đồ tròn.

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc

- Gọi 1 học sinh thực hành trên bảng.các HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

4. Hoạt đông vận dụng, mở rộng

a. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

b. Nội dung

- Tìm kiếm thông tin để mở rộng kiến thức về mối quan hệ thương mại giữa Việt Nam và EU.
- Rèn luyện năng lực tìm kiếm thông tin, giải quyết vấn đề.

c. Sản Phẩm

- HS thu thập, tổng hợp thông tin và ghi lại thành mội bản báo cáo để chia sẻ với cả lớp và GV.

d. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ (Chuẩn bị trước tiết học)

Tìm kiếm thông tin về mối quan hệ hợp tác giữa Việt Nam – EU?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc.

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

*GV mở rộng: Việt Nam và EU hiện có mối quan hệ rất sâu rộng, hai bên đã đạt nhiều hiệp định về khuôn khổ hợp tác đối tác: Hiệp định Đối tác và Hợp tác toàn diện việt Nam - EU (PCA), có hiệu lực từ năm 2016, với các cơ chế hợp tác thực chất trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, thương mại, đầu tư, phát triển bền vững, an ninh - quốc phòng, pháp quyền - quản trị; Hiệp định Thương mại tự do (EVFTA) có hiệu lực từ ngày 1/8/2020. Giữa hai bên còn có Hiệp định Đối tác tự nguyện về Lâm luật, Quản trị rừng và Thương mại lâm sản (VPA-FLEGT) có hiệu lực từ tháng 6/2019; Hiệp định khung về hợp tác Quốc phòng - An ninh (FPA) tháng 10/2019; cơ chế Đối thoại nhân quyền hằng năm,... Các khuôn khổ hợp tác này đã đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia châu Á có quan hệ toàn diện, sâu rộng nhất với EU, nước ASEAN duy nhất có tất cả các trụ cột hợp tác với EU.

- EU là một đối tác kinh tế hàng đầu của Việt Nam, một trong ba đối tác thương mại và thị trường xuất khẩu quan trọng nhất của Việt Nam (sau Trung Quốc, Hoa Kỳ). Việt Nam là đối tác thương mại lớn thứ hai của EU trong ASEAN (sau Xin-ga-po). Kim ngạch thương mại Việt Nam - EU đã tăng 17 lần trong 20 năm qua, đạt 56,45 tỉ USD năm 2019, trong đó Việt Nam xuất khẩu vào EU 41,54 tỉ USD hàng hoá và nhập khẩu từ EU 14,9 tỉ USD. EU luôn là thị trường xuất siêu lớn thứ hai của Việt Nam (sau Hoa Kỳ). Ngay khi EVFTA có hiệu lực, tháng 8/2020, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường EU đã đạt 3,25 tỉ USD, tăng 4,2% so với cùng kì năm 2019. Nhờ EVFTA có hiệu lực, các doanh nghiệp Việt Nam tuy bị ảnh hưởng nặng nề do đại dịch Covid-19 vẫn tăng xuất khẩu sang EU.
- EU nằm trong nhóm năm nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất vào Việt Nam (cùng với Hàn Quốc, Nhật Bản- Xin-ga-po và Đài Loan - Trung Quốc). Xu thế đầu tư của EU chủ yếu lập trung vào các ngành công nghiệp công nghệ cao, gần đây có xu hướng phát triển sang các ngành dịch vụ (bưu chính viễn thông, tài chính ngân hàng, văn phòng chơ thuê, bán lẻ,...).
- EU lá nhà cung cấp viện trợ phát triển ODA không hoàn lại lớn nhất cho Việt Nam. Giai đoạn 2014 - 2020, EU đã viện trợ 400 triệu ơ-rô cho Việt Nam, tập trung vào các lĩnh vực năng lượng bền vững và tăng cường năng lực thể chế.

Trường:..... Họ và tên giáo viên:

Tổ:.....

Ngày: ..... …….....

TÊN BÀI DẠY - BÀI 5:
VỊ TRÍ ĐỊA LÍ. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN CHÂU Á

Môn học/Hoạt động giáo dục: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ; Lớp: 7
Thời gian thực hiện: Tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.
- Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á, ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.
- Xác định được vị trí châu Á trên bản đồ.
- Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á.
- Xác định được trên bản đồ các đới và kiểu khí hậu ở châu Á.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Tự học và hoàn thiện các nhiệm vụ thông qua phiếu học tập.
+ Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.
+ Giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Năng lực Địa lí

+ Năng lực nhận thức Địa lí: Năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian giải thích hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên.
+ Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí (bản đồ, hình ảnh, video,...).
+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ : Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.
- Nhân ái: Tôn trọng ý kiến của người khác, có ý thức học hỏi lẫn nhau.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập (cá nhân/nhóm).
- Yêu thiên nhiên; có ý thức bảo vệ tự nhiên (bảo vệ rừng, đa dạng sinh học; sử dụng hợp lí, khai thác đi đôi phục hồi tài nguyên thiên nhiên; phòng tránh thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu).

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Bản đồ tự nhiên châu Á. Bản đồ các đới và kiểu khí hâu ở châu Á.
- Một số hình ảnh, video về cảnh quan tự nhiên châu Á (đỉnh Ê-vơ-rét, các sông lớn, sinh vật,...).
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động xuất phát/ khởi động

a. Mục tiêu

- Kết nối vào bài học, tạo hứng thú cho người học.

b. Nội dung

- Đưa học sinh vào tình huống có vấn đề để các em tìm ra câu trả lời, sau đó giáo viên kết nối vào bài học.

c. Sản phẩm

- Câu trả lời cá nhân của học sinh.

d. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ:

NHÌN HÌNH ĐOÁN TÊN

- Đoán tên các quốc gia qua hình ảnh
- Thời gian 10 giây/1 hình.
- Bạn nào nhanh và chính xác nhiều nhất sẽ giành chiến thắng.
- Hãy chia sẻ một số thông tin em biết về châu Á.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: HS trả lời câu hỏi

Bước 4: GV chuẩn kiến thức và kết nối vào bài mới.

Châu Á là một bộ phận của lục địa Á - Âu. Châu Á có diện tích rộng lớn, tiếp giáp nhiều châu lục và đại dương, có sự đa dạng về đặc điểm tự nhiên.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu về đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.

a. Mục tiêu

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạrg và kích thước châu Á.

- Xác định được vị trí châu Á trên bản đồ.

b. Nội dung

- Dựa vào thông tin trong mục 1 và hình 1, hãy:
- Xác định vị trí châu Á trên bản đồ.
- Trình bày đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.

c. Sản Phẩm: Thông tin phản hồi phiếu học tập.

- HS xác định được vị trí châu Á trên bản đồ.
- Châu Á tiếp giáp với hai châu lục (châu Âu, châu Phi) va ba đại dương (Bắc Băng Dương, Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương). Châu Á có diện tích 44,4 triệu km2, là châu lục lớn nhất thế giới. Châu Á có dạng hình khối. Theo chiều bắc - nam, châu Á kéo dài khoảng 8 500 km, từ trên vòng cực Bắc xuống phía nam Xích đạo. Theo chiều đông - tây, nơi rộng nhất khoảng 9 200 km, trải từ ven Địa Trung Hải tới ven Thái Bình Dương.

- Ý nghĩa của vị trí địa lí và kích thước lãnh thổ đến khí hậu châu Á

+ Lãnh thổ nằm trải dài từ vùng cực Bắc đến vùng Xích Đạo nên lượng bức xạ MT phân bố không đều=> hình thành các đới khí hậu thay đổi từ B xuống N.

+ Kích thước lãnh thổ rộng lớn làm cho khí hậu có sự phân hóa từ Đ sang T thành nhiều kiểu KH khác nhau do vị trí gần hay xa biển.....

d. Cách thức tổ chức

<table>
<tr><th>Hoạt động của giáo viên và học sinh</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh
Nhiệm vụ 1: Dựa vào kiến thức đã học và thông tin SGK
+ Cho biết vị trí của châu Á trên Lược đồ Các châu lục và đại dương.
+ Trò chơi “Đôi bạn hiểu nhau” nhận biết diện tích của các châu lục trên thế giới.
Nhiệm vụ 2: Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm (2p)
*Nhóm 1,2: Dựa vào hình 1 thông tin SGK em hãy hoàn thiện nội dung phiếu học tập sau
<table>
<tr><td>Điểm cực</td><td>Cực Bắc (A)</td><td>Cực Nam (B)</td></tr>
<tr><td>Khoảng cách (Km)</td><td>Từ Cực Bắc đến cực Nam là.....</td><td>Từ bờ Tây đến bờ Đông là.....</td></tr>
<tr><td colspan="3">=> Kết luận: Châu Á là châu lục.....nhất thế giới, nằm trải dài từ vùng.....đến vùng.....</td></tr>
</table>
? Nêu ý nghĩa của vị trí địa lí và kích thước lãnh thổ đến khí hậu châu Á
*Nhóm 3,4: Dựa vào hình 1.1, thông tin SGK em hãy chọn câu trả lời đúng nhất.
Câu 1: Châu Á tiếp giáp với các châu lục nào?
</td><td>
1. Vị trí đại lí, hình dạng và kích thước
- Châu Á có diện tích 44,4 triệu km2, là châu lục lớn nhất thế giới.
- Châu Á có dạng hình khối.
+ Theo chiều bắc - nam, châu Á kéo dài khoảng 8 500 km, từ trên vòng cực Bắc xuống phía nam Xích đạo.
+ Theo chiều đông - tây, nơi rộng nhất khoảng 9 200 km, trải từ ven Địa Trung Hải tới ven Thái Bình Dương.
</td></tr>
</table>

A. Châu Âu, châu Mĩ.
B. Châu Âu, châu Phi.
C. Châu Âu, châu Nam Cực.
D. Châu Âu, châu Đại Dương.
Câu 2: Châu Á tiếp giáp với các đại dương nào?
A. Bắc Băng Dương, Ấn Độ Dương.
B. Bắc Băng Dương, Thái Bình Dương
C. Bắc Băng Dương, Ấn Độ Dương, Đại Tây dương.
D. Bắc Băng Dương, Ấn Độ Dương, Thái Bình Dương.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ nhóm.
- Các nhóm thảo luận, thống nhất nội dung báo cáo.

Bước 3: Báo cáo kết quả
- HS trả lời câu hỏi.
- Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.
- Mở rộng: Em có biết?

Em có biết?

Ca-li-man-tan là đảo lớn nhất châu Á và lớn thứ ba thế giới, thuộc lãnh thổ các nước In-đô-nê-xi-a, Bru-nây và Ma-lai-xi-a, có diện tích hơn 740 nghìn km².

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức
- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.

- Chuẩn kiến thức:	

2.2. Tìm hiểu đặc điểm tự nhiên châu Á (2a, 2b)

a. Mục tiêu

- Trình bày được đặc điểm địa hình, khoáng sản châu Á, ý nghĩa của địa hình và khoáng sản đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.
- Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á.

b. Nội dung

- Xác định trên bản đồ các khu vực địa hình của châu Á.
- Nêu đặc điểm địa hình của châu Á và ý nghĩa của địa hình đối với việc sử dụng và báo vệ tự nhiên.
- Xác định trên hình 1; sự phân bố của một sô loại khoáng sản chính ở châu Á.
- Đọc thông tin mục b, cho biết tài nguyên khoáng sản có ý nghĩa như thế nào đối với các nước châu Á.

c. Sản Phẩm

- Thông tin phản hồi phiếu học tập

Thành phần tự nhiên	Địa hình	Khoáng sản
Trung tâm	Là vùng núi cao, đồ sộ và hiểm trở nhất thế giới.	Ít khoáng sản
Phía bắc	Gồm các đồng bằng và các cao nguyên thấp, bằng phẳng.	Dầu mỏ, khí đốt, than, vàng, kim cương, thiếc,...
Phía đông	Địa hình thấp dần vế phía biển, gồm các núi, cao nguyên và đồng bằng ven biển.	Than, sắt, thiếc, dầu mỏ,...
Phía nam và tây nam	Gồm các dãy núi trẻ, các sơn nguvên và đồng bằng nằm xen kẽ.	Dầu mỏ, sắt, thiếc, than,...
Ý nghĩa	- Địa hình núi cao và hiểm trở chiếm tỉ lệ lớn gây khó khăn cho giao thông, sản xuất và đời sống. Địa hình chia cắt mạnh nên cần lưu ý vấn đề chống xói mòn, sạt lở đất trong quá trình khai thác, sử dụng. - Các khu vực cao nguvên, đồng bằng rộng lớn thuận lợi cho sản xuất và định cư.	Là cơ sở để phát triển các ngành khai thác, chế biến và xuất khẩu khoáng sản; cung cấp nguyên liệu cần thiết cho các ngành công nghiệp như sản xuất ô tô, luyện kim,...

- Câu trả lời của học sinh

d. Cách thức tổ chức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ Dựa vào hình 1, thông tin mục 2a,b các em hãy trao đổi để hoàn thành nội dung phiếu học tập sau:	**2. Đặc điểm tự nhiên** a. Địa hình - Rất đa dạng: Gồm núi, sơn nguyên

Thành phần tự nhiên	Địa hình Nhóm	Khoáng sản Nhóm 2,4,6
Trung tầm		
Phía bắc		
Phía đông		
Phía nam và tây nam		
Ý nghĩa		

- Việc khai thác khoáng sản quá mức gây ra những hậu quả gì? Chúng ta cần khai thác sử dụng nguồn tài nguyên này như thế nào? Liên hệ với Việt Nam?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS trao đổi và trả lời câu hỏi

Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc

- Gọi đại diện các nhóm báo cáo.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh
- Chuẩn kiến thức:

cao đồ sộ, cao nguyên, các đồng bằng rộng lớn. Địa hình bị chia cắt mạnh

- Địa hình được chia thành các khu vực

+ Trung tâm : Là vùng núi cao, đồ sộ và hiểm trở nhất thế giới.

+ Phía bắc : Gồm các đồng bằng và các cao nguyên thấp, bằng phẳng.

+ Phía đông : Địa hình thấp dần về phía biển, gồm các núi, cao nguyên và đồng bằng ven biển.

+ Phía nam và tây nam : Gồm các dãy núi trẻ, các sơn nguvên và đồng bằng nằm xen kẽ.

b. Khoáng sản

- Phong phú và có trữ lượng lớn.
- Phân bố rộng khắp trên lãnh thổ

2.3. Tìm hiểu đặc điểm tự nhiên châu Á (2c)

a. Mục tiêu

- Trình bày được đặc điểm khí hậu châu Á, ý nghĩa của khí hậu đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.
- Xác định được phạm vi các kiểu khí hậu ở châu Á.

b. Nội dung: Dựa vào thông tin ở mục c và hình 2, hãy:

- Nêu đặc điểm khí hậu châu Á.
- Xác định phạm vi của các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu lục địa.
- Nêu ý nghĩa của khí hậu đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.

c. Sản Phẩm

- Khí hậu châu Á phân hoá đa dạng thành nhiều đới, mỗi đới lại gồm nhiếu kiểu. Kiểu khí hậu gió mùa và khí hậu lục địa chiếm diện tích lớn nhất.

+ Khí hậu gió mùa phân bố ở Đông Á, Nam Á, Đông Nam Á. Vào mùa đông, gió từ lục địa thổi ra, khô, lạnh- ít mưa. Vào mùa hạ, gió từ đại dương thổi vào, nóng, ẩm, mưa nhiều. Đây cũng là khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của bão.

+ Khí hậu lục địa phân bố chủ yếu ở các vùng nội địa và khu vực Tây Á. Những khu vực này có mùa đông khô, lạnh; mùa hạ khô, nóng. Lượng mưa rất thấp, trung bình 200 - 500 mm/năm.

- HS xác định được trên bản đồ các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu lục địa.
- Ý nghĩa: Khí hậu phân hoá tạo nên sự đa dạng của các san phẩm nông nghiệp và hình thức du lịch ở các khu vực khác nhau. Châu Á là nơi chịu nhiều tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu, nên cần có các biện pháp để phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

d. Cách thức tổ chức

<table>
<tr><th>Hoạt động của giáo viên và học sinh</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
Bước 1: Giao nhiệm vụ
Nhiệm vụ 1 - Cá nhân: Dựa vào hình 2, nội dung mục 2c, các em hãy hoàn thiện nội dung phiếu học tập sau:
<table>
<tr><th>Nội dung</th><th>Phần trả lời</th><th>Giải thích nguyên nhân</th></tr>
<tr><td>Kể tên các đới khí hậu</td><td></td><td rowspan="2"></td></tr>
<tr><td>Kể tên các kiểu khí hậu trong mỗi đới khí hậu</td><td></td></tr>
<tr><td>Nhận xét chung</td><td colspan="2"></td></tr>
</table>
Nhiệm vụ 2 - Nhóm: Dựa vào hình 2, nội dung mục 2c, các em hãy hoàn thiện nội dung phiếu học tập sau:
<table>
<tr><th>Kiểu khí hậu</th><th>Khí hậu gió mùa
N1,3,5</th><th>Khí hậu lục địa
N2,4,6</th></tr>
<tr><td>Phân bố</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Đặc điểm</td><td></td><td></td></tr>
</table>
Nhiệm vụ 3: Nêu ý nghĩa của khí hậu đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên?
Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ
- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân/nhóm.
Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc
- Gọi học sinh các nhóm báo cáo.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung
</td><td>
2. Đặc điểm tự nhiên
c. Khí hậu
- Khí hậu châu Á phân hoá đa dạng thành nhiều đới, mỗi đới lại gồm nhiều kiểu. Kiểu khí hậu gió mùa và khí hậu lục địa chiếm diện tích lớn nhất.
+ Khí hậu gió mùa phân bố ở Đông Á, Nam Á, Đông Nam Á. Vào mùa đông, gió từ lục địa thổi ra, khô, lạnh- ít mưa. Vào mùa hạ, gió từ đại dương thổi vào, nóng, ẩm, mưa nhiều. Đây cũng là khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của bão.
+ Khí hậu lục địa phân bố chủ yếu ở các vùng nội địa và khu vực Tây Á. Những khu vực này có mùa đông khô, lạnh; mùa hạ khô, nóng. Lượng mưa rất thấp, trung bình 200 - 500 mm/năm.
</td></tr>
</table>

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh - Chuẩn kiến thức:	

2.3. Tìm hiểu đặc điểm tự nhiên châu Á (2d)

a. Mục tiêu

- Trình bày được đặc điểm sông, hồ châu Á và ý nghĩa của sông, hồ đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.

b. Nội dung: Dựa vào thông tin trong mục d và các hình 3, 4, hãy:

- Trình bày đặc điểm sông, hồ của châu Á.
- Kể tên một số sông lớn ở châu Á và nêu ý nghĩa của chúng đối với đời sống, sản xuất và bảo vệ tự nhiên.

c. Sản Phẩm

* Đặc điểm sông, hồ ở châu Á:

- Mạng lưới sông ở châu Á khá phát triển, nhiều hệ thống sông lớn nhưng phân bố không đều và có chế độ nước rất phức tạp.

+ Bắc Á: mạng lưới sông dày, sông bị đóng băng vào mùa đông, có lũ vào mùa xuân.

+ Đông Á, Nam Á, Đông Nam Á: mạng lưới sòng dày, nhiều sông lớn. Mùa lũ trung mùa mưa, mua cạn trùng mùa khô.

+ Tây Á, Trung Á: mạng lưới sông ngòi kém phát triển.

- Châu Á có nhiều hồ lớn được hình thành từ cac đứt gãy hoặc miệng núi lửa (Ca-xpi, Bai-can, A-ran,...)-

* Một số sông lớn ở châu Á: Lê-na, I-ê-nit-xây, Hoàng Hà, Trường Giang, Hằng, Mê Công,

* Ý nghĩa: cung cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, sông cũng gây lũ lụt hằng năm, làm thiệt hại nhiều về người và tài sản.

d. Cách thức tổ chức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ: Dựa vào thông tin trong mục d và các hình 3, 4, hãy: - Nêu đặc điểm sông hồ châu Á? - Kể tên một số con sông lớn ở Châu Á? Ý nghĩa của chúng đối với sản xuất và môi trường tự nhiên? **Bước 2**: HS thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân/nhóm. **Bước 3**: HS báo cáo kết quả làm việc - Gọi học sinh trả lời - Các HS khác nhận xét, bổ sung	**2. Đặc điểm tự nhiên** d. Sông hồ - Mạng lưới sông ở châu Á khá phát triển, nhiều hệ thống sông lớn nhưng phân bố không đều và có chế độ nước rất phức tạp. - Châu Á có nhiều hồ lớn được hình thành từ cac đứt gãy hoặc miệng núi lửa (Ca-xpi, Bai-can, A-ran,...)- * Một số sông lớn ở châu Á: Lê-na, I-ê-nit-xây, Hoàng Hà, Trường Giang, Hằng,

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh - Chuẩn kiến thức:	Mê Công,... * Ý nghĩa: cung cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, sông cũng gây lũ lụt hằng năm, làm thiệt hại nhiều về người và tài sản.

2.4. Tìm hiểu đặc điểm tự nhiên châu Á (2e)

a. Mục tiêu

- Trình bày được đặc điểm các đới thiên nhiên của châu Á và ý nghĩa của các đới thiên nhiên đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.

b. Nội dung:

Dựa vào thông tin và hình ảnh trong mục e, hãy:

- Trình bày đặc điểm các đới thiên nhiên ở châu Á.
- Nêu vấn đề cần lưu ý trong sử dụng và bảo vệ tự nhiên ở châu Á.

Để thực hiện nhiệm vụ đầu tiên, có thể cho HS hoàn thành phiếu học tập sau:

Đới	Phân bố	Đặc điểm
Lạnh		
ôn hoà		
Nóng		

c. Sản Phẩm

Đới	Phân bố	Đặc điểm
Lạnh	Dải hẹp ở phía bắc	- Khí hậu cực và cận cực, lạnh giá, khắc nghiệt. - Thực vật: chủ yếu là rêu, địa y; không có cây thân gỗ. - Động vật: các loài chịu được lạnh hoặc di cư.
ôn hòa	Vùng Xi-bia, phía bắc đới ôn hoà	- Khí hậu ôn đới lục địa. lạnh, khô về mùa đông. - Rừng lá kim phát triển trên đất pốt dôn. - Hệ động vật tương đối phong phú.
	Phía đông, đông nam Trung Quốc và quần đảo Nhật Bản	- Khí hậu cận nhiệt gió mùa, lượng mưa tương đối lớn. - Thảm rừng lá rộng cận nhiệt phổ biến, trong rừng nhiều loài cầy lấy gỗ và dược liệu quý, có chất lượng tốt.
	Các khu vực sâu trong lục địa	- Khí hậu khô hạn, khắc nghiệt. - Cảnh quan: thảo nguyên, hoang mạc, bán hoang mạc.
Nóng	Đông Nam Á, Nam Á	- Khí hậu nhiệt đới gió mùa và khí hậu xích đạo. - Thảm thực vật điển hình là rừng mưa nhiệt đới và rừng nhiệt đới gió mùa; thành phần loài đa dạng, nhiều loại gỗ tốt; nhiều động vật quý hiếm.

d. Cách thức tổ chức

<table>
<tr><th>Hoạt động của giáo viên và học sinh</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr>
<td>
Bước 1: Giao nhiệm vụ: Dựa vào thông tin và hình ảnh trong mục e, hãy hoàn thành phiếu học tập sau:
<table>
<tr><th>Đới</th><th>Phân bố</th><th>Đặc điểm</th></tr>
<tr><td>Lạnh</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>ôn hoà</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Nóng</td><td></td><td></td></tr>
</table>
Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ
- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân/nhóm.
Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc
- Gọi học sinh trả lời
- Các HS khác nhận xét, bổ sung
Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức
- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh
- Chuẩn kiến thức:
</td>
<td>
2. Đặc điểm tự nhiên
e. Đới thiên nhiên
<table>
<tr><th>Đới</th><th>Phân bố</th><th>Đặc điểm</th></tr>
<tr><td>Lạnh</td><td>Dải hẹp ở phía bắc</td><td>- Khí hậu cực và cận cực, lạnh giá, khắc nghiệt.</td></tr>
<tr><td rowspan="3">ôn hòa</td><td>Vùng Xi-bia, phía bắc đới ôn hoà</td><td>- Khí hậu ôn đới lục địa. lạnh, khô về mùa đông.
- Rừng lá kim phát triển trên đất pốt dôn.
- Hệ động vật tương đối phong phú.</td></tr>
<tr><td>Phía đông, đông nam Trung Quốc và quần đảo Nhật Bản</td><td>- Khí hậu cận nhiệt gió mùa, lượng mưa tương đối lớn.
- Thảm rừng lá rộng cận nhiệt phổ biến, trong rừng nhiều loài cây lấy gỗ và dược liệu quý, có chất lượng tốt.</td></tr>
<tr><td>Các khu vực sâu trong lục địa</td><td>- Khí hậu khô hạn, khắc nghiệt.
- Cảnh quan: thảo nguyên, hoang mạc, bán hoang mạc.</td></tr>
<tr><td>Nóng</td><td>Đông Nam Á, Nam Á</td><td>- Khí hậu nhiệt đới gió mùa và khí hậu xích đạo.
- Thảm thực vật điển hình là rừng mưa nhiệt đới và rừng nhiệt đới gió mùa; thành phần loài đa dạng, nhiều loại gỗ tốt; nhiều động vật quý hiếm.</td></tr>
</table>
</td>
</tr>
</table>

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu

- Củng cố, luyện tập các kiến thức đã học.

b. Nội dung

- Trả lời các câu hỏi liên quan đến bài học

c. Sản Phẩm

- Câu trả lời của học sinh

d. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh: Tham gia trò chơi AI NHANH HƠN?

1. Diện tích của châu Á?
2. Châu Á tiếp giáp với các châu lục nào?
3. Kể tên 2 loại khoáng sản có trữ lượng lớn ở châu Á?
3. Việc khai thác khoáng sản quá mức gây ra hậu quả gì?
4. Đỉnh núi cao nhất ở châu Á?
5. Đông Á, Đông Nam Á, Nam Á thuộc kiểu khí hậu nào?
6. Khu vực nào có mạng lưới sông ngòi kém phát triển nhất ở châu Á?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc

- Hs tham gia trả lời bằng cách giơ tay nhanh nhất.

Bước 4: GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng

a. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

b. Nội dung

- Tìm kiếm thông tin để đánh giá thuận lợi và khó khăn về vị trí và tài nguyên của châu Á đối với sự phát triển KTXH.
- Rèn luyện năng lực tìm kiếm thông tin, giải quyết vấn đề.

c. Sản Phẩm

- HS thu thập, tổng hợp thông tin và ghi lại thành một bản báo cáo để chia sẻ với cả lớp và GV.

d. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ (Nộp sản phẩn vào tuần sau)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc.

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

Trường:..... Họ và tên giáo viên:
Tổ:.....
Ngày: ..... …….....

TÊN BÀI DẠY - BÀI 6: ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ XÃ HỘI CHÂU Á

Môn học/Hoạt động giáo dục: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ; Lớp: 7
Thời gian thực hiện: Tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được đặc điểm dân cư, tôn giáo; sự phân bố dân cư và các đô thị lớn ở châu Á.
- Rèn luyện kĩ năng phân tích, khai thác số liệu.
- Biết cách sử dụng bản đồ để xác định sự phân bố dân cư, các đô thị lớn ở châu Á.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Tự học và hoàn thiện các nhiệm vụ thông qua phiếu học tập.
+ Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.
+ Giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Năng lực Địa lí

+ Năng lực nhận thức Địa lí: năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí kinh tế - xã hội.
+ Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí (bản đồ, bảng số liệu, hình ảnh,..)
+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống.

3. Phẩm chất

- Có những hiểu biết trung thực, khách quan về đặc điểm dân cư, tôn giáo, sự phần bố dân cư, các đô thị lớn ở châu Á và ảnh hưởng của các yếu tố đó đến sản xuất và đời sống.
- Yêu khoa học, biết khám phá, tìm hiểu các vấn để xã hội.
- Có tinh thần chung sống hoà bình, hợp tác và sẻ chia, tôn trọng nét khác biệt trong văn hoá, xã hội giữa các khu vực của châu Á.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Bản đồ mật độ dân số và một số đô thị lớn ở cháu Á, năm 2020.
- Các bảng số liệu, video, hình ảnh về dân cư của các đô thị lớn ở châu Á.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động xuất phát/ khởi động

a. Mục tiêu

- Kết nối vào bài học, tạo hứng thú cho người học.

b. Nội dung

- Trò chơi LUCKY NUMBER

c. Sản phẩm

- Câu trả lời cá nhân của học sinh.

d. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ: Trò chơi LUCKY NUMBER
Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ
Bước 3: Báo cáo kết quả
Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

Châu Á là nơi có con người cư tru từ rất sớm, cũng là nơi có những nền văn minh cổ đại phát triển rực rỡ trong lịch sử. Với quá trình phát triển lầu đời, dân cư, xã hội châu Á ngày nay có những đặc điểm như thế nào?

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu đặc điểm dân cư, tôn giáo châu Á

a. Mục tiêu

- Trình bày được đặc điểm dân cư, tôn giáo ở châu Á.
- Rèn luyện kĩ năng phân tích, khai thác số liệu.

b. Nội dung

- Dựa vào thông tin và bảng 1 trong mục 1, hãy trình bày đặc điểm dân cư, tôn giáo châu Á.

c. Sản Phẩm

Câu hỏi		Trả lời
Dân cư N1,3,5	Số dân?	4 641,1 triệu người, năm 2020
	Tính tỉ lệ dân số châu Á so với thế giới năm 2020?	59,54%
	Dân số châu Á tăng nhanh trong giai đoạn nào?	Nửa cuối thế kỉ XX
	Tại sao tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở châu Á đang có xu hướng giảm?	Thực hiện tốt các chính sách về dân số, Giai đoạn 2015 - 2020, tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của châu Á là 0,95%, thấp hơn mức gia tăng trung bình của thế giới (1,09%).
	Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi châu Á? Thuận lợi và khó khăn?	Cơ cấu dân số trẻ - Lao động dồi dào - Khó khăn trong vấn đề giải quyết việc làm, giáo dục, y tế
	Dân cư châu Á thuộc những chủng tộc nào?	Môn gô lô it, Nê gro it, Ô xtra lô it
Tôn giáo	Châu Á là nơi ra đời của	Ấn Độ giáo, Phật giáo, Ki tô giáo, Hồi giáo

N2,4,6	các tôn giáo nào?	
	Thời gian và nơi ra đời của các tôn giáo	- Ấn Độ giáo: TKI của TNKI TCN, Ấn Độ - Phật giáo: TK VI TCN, Ấn Độ - Ki tô giáo: Đầu công nguyên, Pa-le-xtin - Hồi giáo: TKVII sau công nguyên, Ả rập Xê-ut
	Vai trò của tôn giáo trong cuộc sống?	Hướng con người đến những điều thiện, tốt đẹp.

d. Cách thức tổ chức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	**Dự kiến sản phẩm**
Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh **Nhiệm vụ 1-Hoạt động nhóm:** Dựa vào thông tin SGK, các em hãy trao đổi và hoàn thiện thông tin phiếu học tập sau	**1. Dân cư, tôn giáo** a. Dân cư - Châu Á có số dân đông nhất trong các châu lục: 4 641,1 triệu người, năm 2020, chiếm - Số dân châu Á tăng nhanh trong nửa cuối thế kỉ XX. Hiện nay, do nhiều nước thực hiện các chính sách hạn chế gia tăng dân số nên mức tăng dân số của châu Á đã giảm đáng kể. - Châu Á có cơ cấu dân số trẻ, nhưng đang chuyển biến theo hướng già hoá. - Cư dân châu Á thuộc nhiều chủng lộc: Môn-gô lô-it, ơ-rô-pê-ô-it, Ô-xtra-lô-it. b. Tôn giáo - Nơi ra đời của 4 tôn giáo lớn - Các tôn giáo này lan truyền khắp thế giới và thu hút số lượng lớn tín đồ.

Câu hỏi		**Trả lời**
Dân cư N1,3,5	Số dân?	
	Tính tỉ lệ dân số châu Á so với thế giới năm 2020?	
	Dân số châu Á tăng nhanh trong giai đoạn nào?	
	Tại sao tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở châu Á đang có xu hướng giảm?	
	Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi châu Á? Thuận lợi và khó khăn?	
	Dân cư châu Á thuộc những chủng tộc nào?	
Tôn giáo N2,4,6	Châu Á là nơi ra đời của các tôn giáo nào?	
	Thời gian và nơi ra đời của các tôn giáo	
	Vai trò của tôn giáo trong cuộc	

	sống?	

Nhiệm vụ 2- Cặp đôi

Nhiệm vụ: Trao đổi theo cặp(2p)

Dân số đông và tăng nhanh có thuận lợi và khó khăn gì đối với sự phát triển kinh tế xã hội châu Á?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ nhóm.

- Các nhóm thảo luận, thống nhất nội dung báo cáo.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS trả lời câu hỏi.
- Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.
- Chuẩn kiến thức:

2.2. Tìm hiểu sự phân bố dân cư và các thành phố lớn ở châu Á

a. Mục tiêu

- Trình bày được sự phân bố dân cư và các đô thị lớn ở châu Á.
- Biết cách sử dụng bản đồ để xác định sự phân bố dân cư, các thành phố lớn ở châu Á.
- Rèn luyện kĩ năng phần tích, khai thác số liệu.

b. Nội dung

- Dựa vào thông tin và hình 1 trong mục 2, cho biết các khu vực đông dân và các khu vực thưa dân ở châu Á
- Dựa vào hình 1 và bảng 2, hãy:

+ Xác định vị trí của các đô thị từ 20 triệu người trở lên ở châu Á.

+ Cho biết các đô thị trên 10 triệu dân nước ở châu Á?

c. Sản Phẩm

- Các khu vực đông dân ở châu Á: Đông Á, Nam Á và một phần khu vực Đông Nam Á.
- Các khu vực thưa dân ở châu Á: Bắc Á, khu vực núi cao ở trung tâm châu Á, khu vực bán đảo A-ráp.
- HS dựa vào hình 1 và bảng 2, xác định được trên bản đồ vị trí cúa các đô thị từ 20 triệu người trở lên ở châu Á.

- Các nước ở châu Á có nhiều đô thị trên 10 triệu dân: Nhật Bản, Ấn Độ, Trung Quốc, Pa-ki-xtan.

d. Cách thức tổ chức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ: Dựa vào hình 1, bảng 2 và thông tin SGK, em hãy cho biết: - Các khu vực đông dân và các khu vực thưa dân ở châu Á? - Nhận xét và giải thích đặc điểm phân bố dân cư ở châu Á? - Dựa vào hình 1 và bảng 2, hãy: + Xác định vị trí của các đô thị từ 20 triệu người trở lên ở châu Á. + Cho biết các đô thị trên 10 triệu dân nước ở châu Á? + Các đô thị lớn ở châu Á phân bố chủ yếu ở khu vực nào? Giải thích nguyên nhân? **Bước 2**: HS thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi và trả lời câu hỏi **Bước 3**: HS báo cáo kết quả làm việc - Gọi học sinh bất kì trả lời câu hỏi. - HS khác nhận xét, bổ sung *GV mở rộng: Siêu đô chị ở châu Á: Theo một báo cáo mới của Liên hợp quốc, hầu hết các thành phố lớn nhất thế giới sẽ ở châu Phi và châu Á vào năm 2030. Trong số 34 siêu đô thị trên hành tinh (năm 2020), 27 trong số đò là ở các nước đang phát triển. Số lượng lớn nhất tập trung ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nơi có 21 trong số 34 siêu đô thị. Trung Quốc và Ấn Độ dẫn đầu, với lần lượt 6 và 5 siêu đô thị. Làn sóng di dân từ nông thôn ra thành thị rất mạnh ở châu Á sẽ làm nảy sinh ra những vấn đề lớn như nhà ở, nạn tắc đường, ô nhiễm môi trường hay tình trạng tội phạm,... Tuy nhiên, các chuyên gia về phát triển đô thị cũng cho rằng chính các thành phố là địa bàn để thúc đẩy những tiến bộ kinh tế và xã hội. Chỉ có thành phố mới là trung tâm	**2. Sự phân bố dân cư, các đô thị lớn.** - Dân cư châu Á phân bố không đều + Các khu vực đông dân ở châu Á: Đông Á, Nam Á và một phần khu vực Đông Nam Á. + Các khu vực thưa dân ở châu Á: Bắc Á, khu vực núi cao ở trung tâm châu Á, khu vực bán đảo A-ráp. - Các đô thị trên 20 triệu dân ở châu Á năm 2020: Tô-ky-ô, Đê-li, Mun-bai, Thượng Hải, Đắc-ca, Bắc Kinh.

hành chính, là nơi tập trung các hoạt động thông tin, kiến thức và phổ biến ý tưởng. Theo Hội đồng Kinh tế - Xã hội của Liên hợp quốc thì vẫn còn 40% dân thành phố châu Á sống trong các khu ổ chuột, không có các dịch vụ cơ bản được bảo đảm về thu nhập. Nhìn chung thì các đô thị châu Á vẫn đóng góp nhiều vào việc cải thiện điều kiện sống cho người dân. Người dân thành thị vẫn có nlìiều cơ hội tiếp cận giáo dục hớn là người dân nông thôn. Trong khi ai cũng phải thừa nhận giáo dục là yếu tố tiên quyết để phát triển phúc lợi xã hội. **Bước 4**: Đánh giá và chốt kiến thức - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thân học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh - Chuẩn kiến thức:	

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu

- Củng cố, luyện tập các kiến thức đã học trong bài.

b. Nội dung

- Hệ thống câu hỏi ôn tập trắc nghiệm

c. Sản Phẩm

- Câu trả lời của học sinh

d. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh:

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc

Bước 4: GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

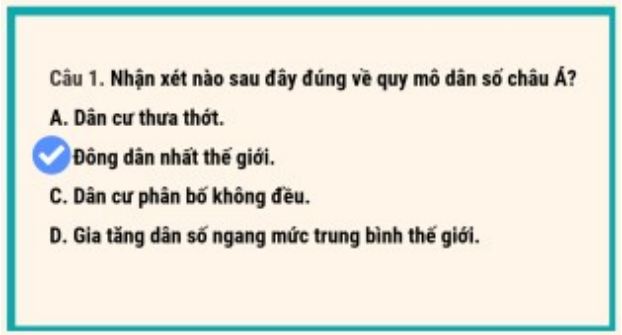

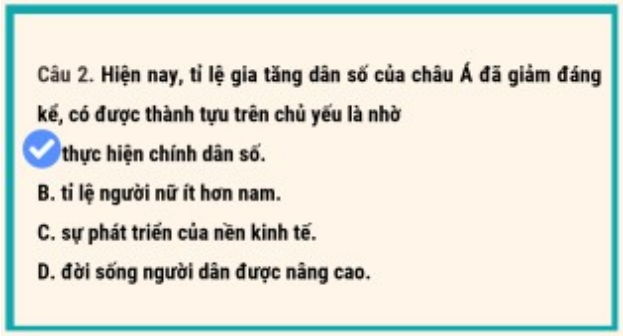

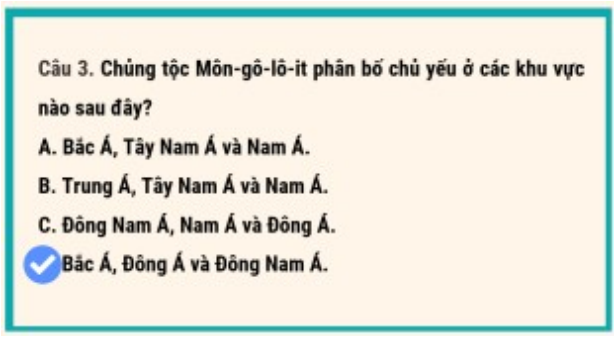

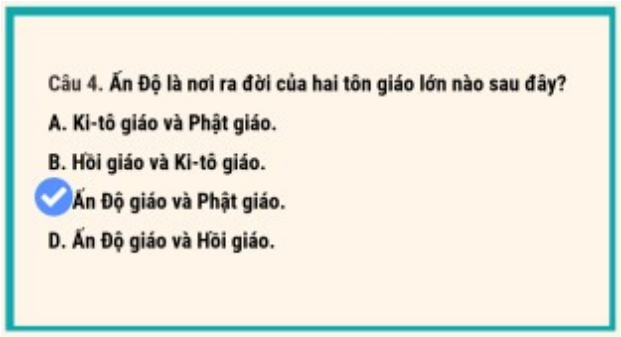

4. Hoạt đông vận dụng, mở rộng

a. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

b. Nội dung

- Chuẩn bị bào hùng biện ngắn về cuộc chiến tranh tôn giáo ảnh hưởng đến thế giới và châu Á như thế nào?

c. Sản Phẩm

- Bài hùng biện của học sinh

d. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ: TỚ LÀM SỨ GIẢ HÒA BÌNH

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc.

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

Trường:..... Họ và tên giáo viên:

Tổ:.....

Ngày: ..... ……

TÊN BÀI DẠY - BÀI 7: BẢN ĐỒ CHÍNH TRỊ CHÂU Á CÁC KHU VỰC CHÂU Á

Môn học/Hoạt động giáo dục: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ; Lớp: 7

Thời gian thực hiện: Tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á.
- Trình bày được đặc điểm tự nhiên của các khu vực của châu Á.
- Biết cách sử dụng bản đồ để phân tích các đặc điểm tự nhiên của từng khu vực.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Tự học và hoàn thiện các nhiệm vụ thông qua phiếu học tập.

+ Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.

+ Giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Năng lực Địa lí

+ Năng lực nhận thức Địa lí: Giải thích hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên và kinh tế - xã hội, phân tích được mối quan hệ giữa các đối tượng; nhận thức sự phân bố trong không gian, vị trí địa lí,...

- Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí (bản đồ, bảng số liệu, hình ảnh,..)
- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống.

3. Phẩm chất

- Có những hiểu biết đúng đắn về các khu vực của châu Á.
- Yêu khoa học, ham học hỏi, tìm tòi.
- Có trách nhiệm trong việc sử dụng hợp lí và báo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Bản đồ chính trị châu Á.
- Bản đồ tự nhiên của từng khu vực châu Á.
- Các hình ảnh, videoclip về tự nhiên, kinh tế - xã hội của các khu vực châu Á.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động xuất phát/ khởi động

a. Mục tiêu

- Kết nối vào bài học, tạo hứng thú cho người học.

b. Nội dung

- Tìm tên quốc gia qua hình ảnh.

c. Sản phẩm

- Câu trả lời cá nhân của học sinh.

d. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ:
Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ
Bước 3: Báo cáo kết quả
Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

Thiên nhiên châu Á phân hoá vô cùng đa dạng. Mỗi khu vực của châu Á lại có cảnh sắc thiên nhiên khác nhau, điều đó tạo nên những nét văn hoá riêng biệt của từng khu vực. Châu Á có những khu vực nào? Nêu một số hiểu biết của em về một số khu vực ở châu Á.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu bản đồ chính trị châu Á

a. Mục tiêu

- Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á.

b. Nội dung

- Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á.

c. Sản Phẩm

- HS xác định được trên bản đồ các khu vực của châu Á: Bắc Á, Trung Á, Tây Á, Nam Á, Đông Á, Đông Nam Á.

d. Cách thức tổ chức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh - GV cho HS quan sái hình 1. Bản đồ chính trị châu Á (hoặc bản đồ các nước châu Á treo tường) kết hợp nghiên cứu bảng 1 và	**1. Bản đồ chính trị châu Á** - Châu Á gồm 49 quốc gia và vùng lãnh thổ. - Trên bản đồ chính trị, Châu Á được phân

thông tin trong SGK, dùng phương pháp đàm thoại, gợi mở để giới thiệu cho HS những nét chính về các khu vực của châu Á. - GV yêu cầu HS xác định các khu vực của châu Á trên bản đồ. Hình 1. Bản đồ chính trị châu Á **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3:** Báo cáo kết quả - HS trả lời câu hỏi và xác định các khu vực của châu Á trên bản đồ. - Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung. **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh. - Chuẩn kiến thức:	chia thành 6 khu vực: Bắc Á, Đông Á, Đông Nam Á, Nam Á, Tây Á, Trung Á.

2.2. Tìm hiểu các khu vực thuộc châu Á

a. Mục tiêu

- Trình bày được đặc điểm tự nhiên của các khu vực thuộc châu Á
- Biết cách sử dụng bản đồ để nhận biết các đặc điểm tự nhiên của khu vực.

b. Nội dung

- Hoạt động nhóm: Dựa vào hình 2 và thông tin trong mục 2 hãy nêu một số đặc điểm của tự nhiên của các khu vực thuộc châu Á.

c. Sản Phẩm

- Thông tin phản hồi phiếu học tập

- Câu trả lời của học sinh.

d. Cách thức tổ chức

<table>
<tr><th>Hoạt động của giáo viên và học sinh</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
Bước 1: Giao nhiệm vụ -
Nhiệm vụ 1- Hoạt động nhóm: Dựa vào hình 2,3,4,5,6,7,8 và thông tin trong mục 2, các em hãy trao đổi để hoàn thành nội dung phiếu học tập sau:
<table>
<tr><th>Các khu vực</th><th>Bắc Á N1</th><th>Trung Á N2</th><th>Tây Á N3</th><th>Đông Á N4</th><th>Nam Á N5</th><th>Đông Nam Á N6</th></tr>
<tr><td>Phạm vi lãnh thổ, địa hình</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Khí hậu</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Khoáng sản</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Sông ngòi</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Tài nguyên rừng</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>
Nhiệm vụ 2:
Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ
- HS trao đổi và trả lời câu hỏi
Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc
- Gọi học sinh bất kì trả lời câu hỏi.
- HS khác nhận xét, bổ sung
Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức
- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh
- Chuẩn kiến thức:
</td><td>
2. Các khu vực thuộc châu Á
(Phụ lục)
</td></tr>
</table>

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu

- Củng cố, luyện tập các kiến thức đã học trong bài.

b. Nội dung

- Dựa vào kiến thức đã học để mô tả các từ khóa liên quan đến nội dung bài học.

c. Sản Phẩm

- Câu trả lời của học sinh

d. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh: Trò chơi HIẾU Ý ĐỒNG ĐỘI

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc

Bước 4: GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

4. Hoạt đông vận dụng, mở rộng

a. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

b. Nội dung

- Mỗi nhóm chuẩn bị một bài giới thiệu về một địa danh du lịch tự nhiên ở các khu vực châu Á.

c. Sản Phẩm

- Bài giới thiệu tiềm năng du lịch tự nhiên châu Á của học sinh

d. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ: EM YÊU DU LỊCH

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc.

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

Phụ lục

Phản hồi phiếu học tập hoạt động 2

Các khu vực	Bắc Á N1	Trung Á N2	Tây Á N3	Đông Á N4	Nam Á N5	Đông Nam Á N6
Phạm vi lãnh thổ, địa hình	Gồm toàn bộ vùng Xi-bia của Nga, với ba bộ phận: đồng bằng Tây	- Á Là khu vực duy nhất của châu Á không tiếp giáp với đại dương, có diện tích trên 4 triệu	- Gồm bán đảo A ráp, bán đáo Tiểu Á, đồng bằng	11,5 triệu km2, gồm phần đất liền và hải đảo. Phần đất liền	7 triệu km2. Địa hình bao gồm: hệ thống núi Hi-	- Diện tích 4,5 triệu km2, gồm hai phần: phần đất liền (ban đảo

	Xi-bia, cao nguyên Trung Xi-bia, miến núi Đông Xi-bia.	km2. - Thấp dần từ đông sang tây: phía đông là miền núi cao Pa-mia, Thiên Sơn và An-tai; phía tây là cao nguyên và đồng bằng kéo dài tới hồ Ca-xpi; ở trung tâm là hồ A-ran.	Lưỡng Hà. - Địa hình có nhiều núi và sơn nguyên.	chiếm hơn 96% diện tích, địa hình đa dạng: phía tây có nhiều hệ thống núi và sơn nguyên cao, các bồn địa rộng lớn; phía đông có nhiều núi trung bình, thấp và đồng bằng rộng. Phần hải đảo có địa hình phần lớn là đồi núi; có nhiều núi lửa, thường xuyên có động đất, sóng thần.	ma lay-a chạy theo hướng tây bắc - đông nam ở phía bắc; sơn nguyên I-ran ở phía tây; sơn nguyên Đê-can tương đối thấp và bằng phẳng ở phía nam; ở giữa là đồng bằng Ấn - Hằng.	Trung Ấn) và phần hải đảo (quần đảo Mã Lai) - Phần đất liền có các dãy núi cao trung bình hướng bắc - nam và đông bắc - tây nam, xen kẽ là các thung lũng, sông cắt xẻ sâu, làm địa hình bị chia cắt mạnh. Đồng bằng phù sa phân bố ở ven biển và hạ lưu các sông. + Phần hải đảo có nhiều đồi, núi, ít đồng bằng, nhiều núi lửa hoạt động và thương xảy ra động đất, sóng thần.
Khí hậu	Lạnh giá khắc nghiệt, mang tính lục địa sâu sắc	Ôn đới lục địa khô. Lượng mưa rất thấp, khoảng 300 - 400 mm/năm.	Khí hậu khô hạn và nóng. Lượng mưa rất thấp, khoảng 200 - 300 mm/năm, một số vùng gần Địa Trung	Phần hải đảo và phía đông phần đất liền có khí hậu gió mùa. Phía tây phần đất liền (gồm lãnh thổ Mông Cổ	Phần lớn nằm trong kiểu KH nhiệt đới gió mùa. Từ sông Ấn đến sơn nguyên I-ran có	Phần đất liền có khí hậu NĐ gió mùa; mùa hạ có gió tây nam nóng, ẩm gây mưa nhiều; mua đông có gió đông bắc khô, lạnh. -

			Hải có mưa nhiều hơn.	và tây Trung Quốc) quanh năm khô hạn.	khí hậu khô hạn.	Phần hải đảo có khí hậu xích đạo quanh năm nóng ẩm, mưa nhiều. Đông Nam Á là khu vực chịu nhiều ảnh hưởng của các cơn bão nhiệt đới.
Khoáng sản	Phong phú, một số loại có trữ lượng lớn: dầu mỏ, than đá, kim cương, vàng, đồng, thiếc,...	Dầu mỏ, khí đốt, than, sắt, vàng và nhiều kim loại màu khác.	Khoáng sản chính là dầu mỏ với hơn một nửa trữ lượng dầu mỏ thế giới tại Tây Á. Dầu mỏ phần bố chủ yếu ở đồng bằng Lưỡng Hà, các đồng bằng của bán đảo A-ráp, vùng vịnh Péc-xích.	Các khoáng sản chính là: than, dầu mỏ, sắt, thiếc, đồng, man-gan,...		Khoáng san: dầu mỏ, khí tự nhiên, than đá, sắt, thiếc, đồng,...
Sông ngòi	Mạng lưới sông dày, có nhiều sông với nguồn thuỷ năng lớn (Ô bi, I-ê-nít-xây, Lê na,...).	Hai con sông lớn nhất của khu vực là Xưa Đa-ri-a và A-mu Đa-ri-a đều đổ vào hồ A ran.	Sông ngòi kém phát triển, nguồn nước rất hiếm. Nước cho sinh hoạt và sản xuất được lấy từ sông Ti-grơ, sông	Một số sông lớn: Trường Giang, Hoàng Hà,... Các sông có nhiều giá trị, tuy nhiên vào mùa mưa sông hay	Có nhiều hệ thống sông lớn (Ấn, Hằng, Bra-ma-pút), bồi đắp nên vùng đồng bằng màu	Mạng lưới sông tương đối dày, các sông chính: Mê Công, Mê Nam, I-ra-oa-đi, sông Hồng,...

			ơ-phrát, nước ngầm và nước lọc từ biển.	gây ngập lụt.	mỡ.	
Cảnh quan	Rừng có diện tích lớn, được bảo tồn tương đối tốt, chủ yếu là rừng lá kim.	Chủ yếu là thảo nguyên, bán hoang mạc và hoang mạc.	Cảnh quan tự nhiên phần lớn là bán hoang mạc và hoang mạc.	Phía tây phát triển cảnh quan thảo nguyên, bán hoang mạc và hoang mạc.	Thảm thực vật chủ yếu: rừng nhiệt đới gió mùa và xa van.	Rừng chủ yếu là rừng mưa nhiệt đới, thành phần loài phong phú.

Trường:..... Họ và tên giáo viên:
Tổ:.....
Ngày: ....

TÊN BÀI DẠY - BÀI 8: THỰC HÀNH
TÌM HIỂU VỀ CÁC NỀN KINH TẾ LỚN VÀ KINH TẾ MỚI NỔI CỦA CHÂU Á
Môn học/Hoạt động giáo dục: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ; Lớp: 7
Thời gian thực hiện: Tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày về một trong các nền kinh tế lớn và nến kinh tế mới nổi của châu Á: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin-ga-po.
- Biết thu thập, xử lí thông tin, số liệu thống kê, biểu đồ, bản đồ của một quốc gia.
- Rèn luyện kĩ năng viết, trình bày báo cáo.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Tự học và hoàn thiện các nhiệm vụ thông qua phiếu học tập.
+ Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.
+ Giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Năng lực Địa lí

+ Năng lực nhận thức Địa lí: Sử dụng công cụ Địa lí để phân tích nghiên cứu một đối tượng Địa lí.

- Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí (bản đồ, bảng số liệu, hình ảnh,..)
- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí để viết báo cáo.

3. Phẩm chất

- Có hiểu biết về các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á, có ý thức xây dựng đất nước ngày càng phát triển.

- Chăm chỉ: Tìm hiểu kiến thức từ các phương tiện truyền thông phục vụ cho học lập.
- Yêu khoa học, ham học hỏi.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Bản đồ (tự nhiên, kinh tế, hành chính) của 4 quốc gia: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin-ga-po.
- Các hình ảnh, video về kinh tế - xã hội của các quốc gia trên.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động xuất phát/ khởi động

a. Mục tiêu

- Kết nối vào bài học, tạo hứng thú cho người học.

b. Nội dung

- Tạo kết nối giữa kiến thức của HS về đặc điểm tự nhiên, văn hoá của các khu vực châu Á với bài học.

c. Sản phẩm

- Câu trả lời cá nhân của học sinh.

d. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Trò chơi AI NHANH HƠN?

- Nhìn hình đoán thương hiệu

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức, và kết nối vào bài học.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1. Chuẩn bị

a. Mục tiêu

- Biết sưu tầm, thu thập, xử lí thông tin, số liệu thống kê, biểu đồ, bản đồ của một quốc gia.

b. Nội dung

- Lựa chọn nội dung tìm hiểu: Sưu tầm tư liệu, viết một báo cáo ngắn về một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á.

+ Trung Quốc.
+ Nhật Bản.
+ Hàn Quốc.
+ Xin-ga-po.

- Sưu tầm thông tin, dữ liệu về nội dung đã lựa chọn: Có thể tìm kiếm thông tin từ các nguồn sau:

+ Mạng internet.

+ Sách, báo.

- Chọn lọc, xử lí thông tin.

+ Chọn lọc tư liệu từ các nguồn đã tìm.

+ Xử lí số liệu, tư liệu, hình ảnh.

+ Sắp xếp các thông tin, số liệu,... theo đề cương của báo cáo.

c. Sản Phẩm

- Thông tin HS sưu tầm và đã chọn lọc, xử lí về một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi ở châu Á.

d. Cách thức tổ chức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ GV giao nhiệm vụ cho HS chuẩn bị ở nhà, từ buổi học trước. - GV chia lớp thành nhiều nhóm. Mỗi nhóm bốc thăm một nền kinh tế để chuẩn bị nội dung báo cáo. Có thể gợi ý cho HS một số chủ đề để HS tìm hiểu: + Đặc điểm phát triển của nền kinh tế Trung Quốc. + Nhân tố tạo nên sự phát triển của nền kinh tế Nhật Bản. + Trình bày về một ngành kinh tế nổi bật ở Hàn Quốc. + Đặc điểm nền kinh tế Xin ga-po. + Bài học kinh nghiệm phát triển kinh íế Việt Nam từ cac nước Hàn Quốc, Xin ga-po, Trung Quóc, Nhật Bản. - GV giới thiệu cho HS một số địa chỉ để sưu tầm, khai khác thông tin: các trang web chính thống, uy tín như worldbank.org (Ngần hàng Thế giới), un.org (Liên hợp quốc), fao.org (Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc), gso.gov.vn (Tổng cục Thống kê), mofa.gov.vn (Bộ Ngoại giao Việt Nam),... - GV hướng dẫn HS cách khai thác, chọn lọc và xử li thông tin. **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3:** Báo cáo kết quả	Các bài báo cáo của các nhóm học sinh

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.	

2.2. Viết báo cáo và trình bày báo cáo

a. Mục tiêu

- Rèn luyện kĩ năng viết, trình bày báo cáo.

b. Nội dung

- Viết báo cáo.

+ Mở bài: Giới thiệu khái quát về nền kinh tế đã lựa chọn.

+ Nội dung chính: Trình bày các thông tin, số liệu, biểu đồ, hình ảnh sưu tầm được về một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi: Quá trình phát triển. Hiện trạng nền kinh tế (tổng GDP, GDP/người, giá trị xuất khẩu,...). Nguyên nhân.

+ Kết luận: Nhận xét tổng quan, bài học kinh nghiệm trong phát triển kinh tế,...

- Trình bày báo cáo.

c. Sản Phẩm

- Bài báo cáo của HS về một trong các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi mà HS lựa chọn.

d. Cách thức tổ chức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS thực hiện theo các bước đã nêu ở mục b. **Bước 2**: HS thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi và trả lời câu hỏi **Bước 3**: HS báo cáo kết quả làm việc - HS trình bày trước lớp theo các nội dung đã chuẩn bị trước theo nhóm. - GV hướng dẫn HS trao đổi, thảo luận sau từng bài báo cáo được trình bày. Sau khi các HS trao đổi và trả lời, GV chuẩn hoá và chốt lại các kiến ihức chính để HS hiểu rõ bài. - Ngoài ra, GV có thể bổ sung thêm một số thông tin, hình ảnh, video minh hoạ (nếu có) về các nến kinh tế đang tìm hiểu. Là một bài thực hành với nội dung khá mở, GV có thổ thiết kế bài học thực hành cho phù hợp với thực tế lớp học. Việc chuẩn bị trước ở nhà là rất cần thiết và quan trọng,	**1. Trung Quốc** Kinh tế Trung Quốc là môt nền kinh tế thị trường có quy mô lớn thứ hai trên thế giới (sau Hoa Kỳ) nếu tính theo tổng sán phẩm quốc nội (GDP giá hiện hành) và đứng thứ nhất nếu tính theo GDP sức mua tương đương (PPP). GDP Trung Quốc năm 2019 là 14 280 nghìn tỉ USD. GDP bình quân đầu người theo giá thực tế năm 2019 là 10 216 USD (16 804 USD nếu tính theo sức mua tương đương (PPP)), ở mức trnng bình cao so với các nền kinh tế khác trên thế giới. Trong những năm gần đây, GDP bình quân đầu người của Trung Quốc tăng lên nhanh chóng nhờ tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định ở mức cao. Kể từ năm 1978, chính quyền Trung Quốc đã cải cách nền kinh tế từ một nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang một nền kinh tế theo định hướng

tuy nhiên cũng cần linh động để phù hợp với đối tượng HS. GV cần chủ động khi xây dựng kế hoạch dạy học. **Bước 4**: Đánh giá và chốt kiến thức - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh	thị trường. Các cải cách quyết liệt từ những năm 1978 đã giúp hàng triệu người thoát nghèo, đưa tỉ lệ nghèo từ 53% dân số năm 1981 xuống còn 8% vào năm 2001. Để đạt được mục tiêu này, chính quyền đã chuyển đổi từ chế độ hợp tác xã sang chế độ khoán đến từng hộ gia đình trong lĩnh vực nông nghiệp, tăng quyền tự chủ của các quan chức địa phương và các thủ trưởng nhà máy, cho phép sự phát triển đa dạng của doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực dịch vụ và công nghiệp nhẹ, mở cửa nền kinh tế để tăng ngoại hối và đầu tư nước ngoài. Chính phủ cũng đã tập trung vào ngoại thương như một đòn bẩy cho tăng trưởng kinh tế. **2. Nhật Bản** Kinh tế Nhật Bản là một nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa phát triển với mức độ công nghiệp hoá cao, là quốc gia châu Á đầu tiên trong lịch sử có nền kinh tế đạt ngưỡng phát triển cũng như là cường quốc kinh tế công nghiệp đầu tiên của châu lục này. Năm 2019, quy mô nền kinh tế Nhật Bản tính theo thước đo GDP theo giá thực tế đạt 5 081,7 tỉ USD, xếp thứ 3 trên thế giới sau Hoa Kỳ và Trung Quốc, thứ 2 châu Á. Kinh tế Nhật Bản cũng là nền kinh tế đầu tiên và duy nhất ở châu Á góp mặt trong G7. Kinh tế Nhật Bản phát triển với tốc độ cao trong giai đoạn 1955 - 1973, với tốc độ tăng trưởng GDP trung bình của thời kì này là trên 13%. Sau nhiều thăng trầm trong quá trình phát triển, đến nay nền kinh tế Nhật Bản đang ở giai đoạn tăng trưởng ở mức thấp (khoảng 1% mỗi năm). Kinh tế Nhật Bản còn phải đối mặt với một thách thức mới là tình trạng già hoá dân số khiến lực lượng lao động bị thiếu hụt. **3. Hàn Quốc** Kinh tế Hàn Quốc là mội nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa phát triển với công nghệ cùng mức độ công nghiệp hoá

	cao, đây là quốc gia châu Á thứ hai có nền kinh tế đạt tới ngưỡng phát triển chỉ sau Nhật Bản. Hàn Quốc là một trong bốn con rồng kinh tế của châu Á cùng với Hồng Công, Đài Loan và Xin-ga-po. Nến kinh tế Hàn Quốc đã khiến thế giới ngạc nhiên với sự trỗi dậy thần kì từ năm 1960. Những cải cách mạnh mẽ khiến Hàn Quốc trở thành một cường quốc về công nghiệp và dịch vụ. Hiện nay, Hàn Quốc đang là nền kinh tế lớn thứ 12 thế giới, với tổng giá trị GDP là 1 626,7 tỉ USD, GDP đầu người đạt 31 850 USD năm 2019. Hàn Quốc đã trở thành hình mẫu lí tưởng của một quốc gia phát triển có xuất phát điểm là một trong các nước kém phát triển. Hàn Quốc có ngành công nghiệp giải trí và ngành du lịch rất phát triển, có sức ảnh hưởng và truyền bá đi khắp thế giới. **4. Xin-ga-po** Là một đất nước nhỏ bé, có diện tích hơn 700 km2, nhưng với vị trí địa lí đặc biệt, Xin-ga-po đã iận dụng để trở thành một cảng hàng hoá được lựa chọn hàng đầutirên bản đồ vận tải đường biển của thế giới, sự nổi lên và tăng trưởng không ngừng của các dịch vụ tài chính đáng tin cậy tại nước này đã đảm bao cho sự phát triển itHịnh vượng của các dòng thương mại. Nền kinh tế Xin-ga-po lớn thứ 4 ở khu vực Đông Nam Á, lần lượt xếp hạng 14 chầu Á và 34 toàn cầu theo giá íhực tế, GDP bình quân đầu người năm 2019 ở top cao nhất thế giới đạt 65 233 USD/người/năm. Cả thế giới biết đến Xin-ga-po như một trung tâm luân chuyển hàng hoá, trung tâm tài chính, giáo dục và y tế uy tín, chất lượng. Lĩnh vực tài chính - bao gồm ngân hàng, quản lí tài sản, bảo hiểm và các thị trường vốn - chiếm khoảng 15% tổng GDP của Xin-ga-po và cung cấp việc làm cho hàng chục nghìn người dân của "Đảo quốc

	sư tử".

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu

- Củng cố, luyện tập các kiến thức đã học trong bài.

b. Nội dung

- Dựa vào kiến thức đã học để kể tên các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam với một số quốc gia Đông Á?

c. Sản Phẩm

- Câu trả lời của học sinh

d. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh:

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc

Bước 4: GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

4. Hoạt đông vận dụng, mở rộng

a. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

b. Nội dung

- Mỗi nhóm chuẩn bị một bài giới thiệu về một địa danh du lịch tự nhiên ở các khu vực châu Á.

c. Sản Phẩm

- Bài giới thiệu tiềm năng du lịch tự nhiên châu Á của học sinh

d. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ: EM YÊU DU LỊCH

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc.

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

Trường:..... Họ và tên giáo viên:
Tổ:.....
Ngày: ..... …….....

TÊN BÀI DẠY - BÀI 9:
VỊ TRÍ ĐỊA LÍ. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN CHÂU PHI

Môn học/Hoạt động giáo dục: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ; Lớp: 7
Thời gian thực hiện: Tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Phi.
- Phân tích được một trong những đặc điểm lự nhiên của châu Phi, một trong những vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên (ví dụ vấn đề săn bắn và buôn bán động vật hoang dã, lấy ngà voi, sừng tê giác,.. .)
- Biết phân tích một số vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên châu Phi.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Tự học và hoàn thiện các nhiệm vụ thông qua phiếu học tập.
+ Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.
+ Giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Năng lực Địa lí

+ Năng lực nhận thức Địa lí: Năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên.

- Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí (bản đồ, bảng số liệu, hình ảnh,..)
- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí để viết báo cáo.

3. Phẩm chất

- Yêu thiên nhiên; có ý thức bảo vệ những loài thực vật, động vật hoang dã, có nguy cơ tuyệt chủng.
- Chăm chỉ: Tìm hiểu kiến thức trên internet phục vụ cho học tập, yêu khoa học, ham học hỏi, tìm tòi.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Bản đồ tự nhiên châu Phi.
- Bản đồ các đới khí hậu ở châu Phi.
- Bản đồ các môi trường tự nhiên ở châu Phi.
- Một số hình ảnh về cảnh quan các môi trường tự nhiên ở châu Phi.
- Các video về đặc điểm các môi trường tự nhiên châu Phi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động xuất phát/ khởi động

a. Mục tiêu

- Kết nối vào bài học, tạo hứng thú cho người học.

b. Nội dung

- Dựa vào hiểu biết của bản thân để trả lời một số câu hỏi về tự nhiên Châu Phi.

c. Sản phẩm

- Câu trả lời cá nhân của học sinh.

d. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Trò chơi Ô CỬA BÍ MẬT

- Nhìn hình đoán thương hiệu

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức, và kết nối vào bài học.

Châu Phi là châu lục có hệ sinh thái tự nhiên độc đáo, nơi bảo tồn các loài thực, động vật hoang dã phong phú bậc nhất thế giới và cũng là nơi phát sinh loài người. Hãy cùng tìm hiểu về đặc điểm tự nhiên châu Phi nhé.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu

a. Mục tiêu

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Phi.

b. Nội dung

- Dựa vào thông tin trong mục 1 và hình 1, hãy cho biết:

+ Châu Phi tiếp giáp với các biển, đại dương và châu lục nào?

+ Hình dạng, kích thước châu Phi?

c. Sản Phẩm

- Thông tin phản hồi phiếu học tập

Tiêu chí	Thông tin
Nằm trong khoảng vĩ độ	35^0N – 37^0B
Diện tích	Hơn 30,3 triệu km^2
Giáp các châu lục	Châu Á Gần châu Âu
Giáp các đại dương, biển	Ấn Độ Dương, Đại Tây Dương Biển Đỏ, Địa Trung Hải
Vị trí kênh đào Suez	Nối Ấn Độ Dương và ĐTD >> chiến lược

d. Cách thức tổ chức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 2: Xác định vị trí của kênh đào Xuy ê trê lược đồ? Ý nghĩa của kênh đào Xuy-ê đối với giao thông đường biển quốc tế? **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3:** Báo cáo kết quả **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh. 	**1. Vị trí đại lí,** - Phía bắc châu Phi giáp với Dịa Trung Hải, qua đó là châu Âu. Phía đông bắc giáp với châu Á ở eo đất Xuy-ê (đã bị cắt bởi kênh đáo Xuy-ê) và giáp Biển đỏ. Phía đông, nam và tây giáp với Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương. - Hình dạng: Châu Phi có dạng hình khối rõ rệt, đường bờ biển ít bị chia cắt, có rất ít các vịnh biển, bán đảo và đảo. - Kích thước: 30,3 triệu km2, lớn thứ ba thế giới (sau châu Á và châu Mỹ). Phần đất liền kéo dài từ khoảng 37°B đến 35°N.

2.2. Tìm hiểu đặc điểm tự nhiên châu Phi (Địa hình và khoáng sản)

a. Mục tiêu

- Phân tích được đặc điểm địa hình, khoáng sản ở châu Phi.

b. Nội dung

Dựa vào thông tin trong mục a và hình 1, hãy:

- Trình bày đặc điểm địa hình châu Phi.
- Xác định vị trí phân bố một số khoáng sản chính ở châu Phi.

c. Sản Phẩm

Địa hình (Nhóm 1,3,5)	
Tiêu chí	Thông tin
Sơn nguyên	Ê-ti-ô-pi-a Đông Phi
Bồn địa	Sát Nin thượng Công-gô Ca-la-ha-ri
Dãy núi	At-lat Đrê-ken-bec
Đồng bằng	Thấp và phân bố ở ven biển
Hướng địa hình	Tây bắc – đông nam
Nhận xét chung	- Địa hình khá đơn giản - Là một khối cao nguyên khổng lồ, cao trung bình 750m. Chủ yếu là các sơn nguyên và bồn địa thấp. - Có rất ít núi cao và đồng bằng thấp

Khoáng sản (nhóm 2,4,6)	
Tiêu chí	Thông tin
Kim loại	Sắt, mangan, crom, boxit, đồng, chì, vàng, niken,…
Phi kim loại	Kim cương
Năng lượng	Dầu mỏ, khí đốt
Khu vực tập trung khoáng sản	- Ven biển Bắc Phi - Ven vịnh Ghi-nê - Nam Phi
Nhận xét chung	Tài nguyên khoáng sản phong phú

d. Cách thức tổ chức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ Hoạt động nhóm: Dựa vào thông tin trong mục a và hình 1, em hãy trao đổi và hoàn thành nội dung phiếu học tập sau: **Địa hình (Nhóm 1,3,5)** Tiêu chí | Thông tin Cao nguyên Bồn địa Dãy núi Đồng bằng Hướng địa hình Nhận xét chung **Khoáng sản (nhóm 2,4,6)** Tiêu chí | Thông tin Kim loại Năng lượng Khu vực tập trung khoáng sản Nhận xét chung **Bước 2**: HS thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi và trả lời câu hỏi **Bước 3**: HS báo cáo kết quả làm việc - HS trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung	**2. Đặc điểm tự nhiên** a. Địa hình và khoáng sản - Địa hình châu Phi: Gần như toàn bộ châu lục là một khối cao nguyên khổng lồ với độ cao trung bình khoảng 750 m. Địa hình chủ yếu là các sơn nguyên xen các bồn địa thấp. Phần đông được nâng lên mạnh, có nhiều thung lũng sâu, nhiều hồ dài và hẹp; có rất ít núi cao và đồng bằng íhấp. - Khoáng sản phong phú. + Vàng, u ra ni-um: chủ yếu ở Trung Phi và Nam Phi. + Đồng, kim cương: chủ yếu ở Nam Phi. + Dầu mỏ, khí tự nhiên, phốt-pho-rít, sắt: Bắc Phi.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh	

2.3. Tìm hiểu đặc điểm tự nhiên châu Phi (Khí hậu)

a. Mục tiêu

- Phân tích được đặc điểm khí hậu của châu Phi (phân hoá. phân bố, đặc điểm,...)

b. Nội dung

- Đọc thông tin trong mục b và hình 2, hãy cho biết đặc điểm nổi bật của khí hậu châu Phi.

c. Sản Phẩm

- Châu Phi có khí hậu khô nóng bậc nhất thế giới, nhiệt độ trung bình năm trên 20°c, lượng mưa tương đối thấp. Các đới khí hậu phân bố gần như đối xứng qua Xích đạo:

+ Khí hậu xích đạo: nóng ẩm, mưa nhiều quanh năm.

+ Khí hậu cận xích đạo: chịu tác động của gió mùa, một mùa nóng ẩm, mưa nhiều; một mùa khô, mát.

+ Khí hậu nhiệt đới: ở Bắc Phi mang tính lục địa, rất khô, nóng; ở Nam Phi ẩm và đỡ nóng hơn.

+ Khí hậu cận nhiệt: mùa đông ấm, ẩm, mưa nhiều; mùa hạ khô nóng, trời trong sáng.

d. Cách thức tổ chức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ Dựa vào thông tin mục 2b và hình 2, em hãy cho biết: - Đặc điểm nổi bật của khí hậu châu Phi? Giải thích nguyên nhân? - Kể tên các đới khí hậu ở châu Phi? - Trình bày đặc điểm của các đới khí hậu ở châu Phi? **Bước 2**: HS thực hiện nhiệm vụ - HS trả lời câu hỏi **Bước 3**: HS báo cáo kết quả làm việc - HS trình bày, các học sinh khác nhận xét, bổ sung **Bước 4**: Đánh giá và chốt kiến thức - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh	**2. Đặc điểm tự nhiên** b. Khí hậu - Châu Phi có khí hậu khô nóng bậc nhất thế giới, nhiệt độ trung bình năm trên 20°c, lượng mưa tương đối thấp. Các đới khí hậu phân bố gần như đối xứng qua Xích đạo: + Khí hậu xích đạo: nóng ẩm, mưa nhiều quanh năm. + Khí hậu cận xích đạo: chịu tác động của gió mùa, một mùa nóng ẩm, mưa nhiều; một mùa khô, mát. + Khí hậu nhiệt đới: ở Bắc Phi mang tính lục địa, rất khô, nóng; ở Nam Phi ẩm và đỡ nóng hơn. + Khí hậu cận nhiệt: mùa đông ấm, ẩm, mưa nhiều; mùa hạ khô nóng, trời trong sáng.

Hình 2. Bản đồ các đới khí hậu ở châu Phi

2.4. Tìm hiểu đặc điểm tự nhiên châu Phi (Sông hồ)

a. Mục tiêu

- Phân tích được đặc điểm sông ngòi của châu Phi.

b. Nội dung

- Dựa vào thông tin trong mục c và hình 1, em hãy:

+ Nêu đặc điểm sông, hồ ở châu Phi?

+ Xác định vị trí các sông và hồ lớn ở châu Phi?

c. Sản Phẩm

- Mạng lưới sông của châu Phi phân bố không đều, tùy thuộc vào lượng mưa. Sông có nhiều thác ghềnh, giao thông không thuận tiện nhưng có trữ năng thuỷ điện lớn.
- Châu Phi có nhiều hồ lớn, trong đó có nhiều hồ được hình thành bởi các đứt gãy.
- HS xác định được vị trí các sông, hồ lớn ở châu Phi trên bản đồ.

d. Cách thức tổ chức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ Dựa vào thông tin mục 2c và hình 1, em hãy:	**2. Đặc điểm tự nhiên** c. Sông, hồ - Mạng lưới sông của châu Phi phân bố không đều, tùy thuộc vào lượng mưa. Sông có nhiều thác ghềnh, giao thông không thuận tiện nhưng có trữ năng thuỷ điện lớn. - Châu Phi có nhiều hồ lớn, trong đó có nhiều hồ được hình thành bởi các đứt gãy.

 Hình 1. Bản đồ tự nhiên châu Phi - Kể tên và xác định vị trí các con sông và hồ lớn ở châu Phi? - Nhận xét về mạng lưới sông ngòi ở châu Phi? Giải thích nguyên nhân? - Sông ngòi châu Phi mang lại cho con người những giá trị nào? **Bước 2**: HS thực hiện nhiệm vụ - HS trả lời câu hỏi **Bước 3**: HS báo cáo kết quả làm việc - HS trình bày, các học sinh khác nhận xét, bổ sung **Bước 4**: Đánh giá và chốt kiến thức - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá và chuẩn kiến thức	

2.5. Tìm hiểu đặc điểm tự nhiên châu Phi (Các môi trường tự nhiên)

a. Mục tiêu

- Phân tích được đặc điểm của các môi trường tự nhiên ở châu Phi.

b. Nội dung

- Dựa vào thông tin và hình ảnh trong mục d, hãy trình bày đặc điểm của một trong các môi trường tự nhiên ở châu Phi.

c. Sản Phẩm

- Thông tin phản hồi phiếu học tập
- Câu trả lời của học sinh.

d. Cách thức tổ chức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ **Nhiệm vụ 1**: Dựa vào hình 4, thông tin SGK, em hãy kể tên các môi trường tự	**2. Đặc điểm tự nhiên** d. Các môi trường tự nhiên

nhiên ở châu Phi? Nhận xét về sự phân bố của các môi trường đó?

Nhiệm vụ 2 – Nhóm: Dựa vào hình 4, thông tin SGK, em hãy trao đổi và hoàn thành thông tin phiếu học tập sau

Môi trường	Phân bố	Khí hậu	Sinh vật
Xích đạo ẩm	Bồn Địa Công Gô, Vịnh Ghinê	Nóng ẩm, điều hòa, mưa nhiều quanh năm	Rừng rậm xanh quanh năm
Nhiệt đới	2 bên xích đạo (bao quanh xích đạo ẩm)	Phân hóa mùa khô và mùa mưa rõ rệt	Rừng thưa xavan cây bụi, động vật ăn cỏ và ăn thịt
Hoang mạc	Xa ha ra, Ca-la-ha-ri và Na- míp	khắc nghiệt, mưa ít	Động, thực vật nghèo nàn
Cận nhiệt	Cực Bắc và cực Nam châu Phi	Mùa đông ấm và có mưa nhiều, mùa hạ khô nóng	Rừng và cây bụi lá cứng.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS trao đổi và hoàn thành thông tin phiếu học tập

Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc

- HS trình bày, các học sinh khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá và chuẩn kiến thức

2.6. Tìm hiểu vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên ở châu Phi

a. Mục tiêu

- Phân tích được các vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên ở châu Phi.

b. Nội dung

- Đọc thông tin và hình ảnh ở mục 3, nêu một số vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên ở châu Phi.

c. Sản Phẩm

+ Sự suy giảm tài nguyên rừng: Tốc độ khai thác quá nhanh và không có biện pháp phục hồi khiến diện tích rừng giảm; các loài động vật hoang dã mất môi trường sống, tình trạng đất hoang mạc hoá diễn ra nhanh, nguồn nước suy giảm.

+ Nạn săn bắt và buôn bán động vật hoang dã, lấy ngà voi, sừng tê giác làm giảm số lượng các loài động vật hoang dã, nhiều loài có nguy cơ tuyệt chủng. Hiện nay, các tổ chức bảo vệ động vật hoang dã trên thế giới và chính quyền các nước châu Phi đã có nhiều biện pháp. (kiểm soát, tuyên truyền, ban hành các quy định và xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên) để bảo vệ động vật hoang dã và môi trường sống của chúng.

d. Cách thức tổ chức

Hoạt động của giáo viên	Dự kiến sản phẩm

Bước 1: Giao nhiệm vụ **Nhiệm vụ 1**: Quan sát một số hình ảnh và đưa ra một số vấn đề trong sử dụng thiên nhiên ở châu Phi **Nhiệm vụ 2**: Dựa vào thông tin SGK và hình ảnh ở mục 3, em hãy cho biết một số giải pháp để giải quyết các vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên ở châu Phi? **Bước 2**: HS thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi và hoàn thành thông tin phiếu học tập **Bước 3**: HS báo cáo kết quả làm việc - HS trình bày, các học sinh khác nhận xét, bổ sung **Bước 4**: Đánh giá và chốt kiến thức - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá và chuẩn kiến thức	**3. Vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên** - Sự suy giảm tài nguyên rừng - Nạn săn bắt và buôn bán động vật hoang dã. => Cần phải bảo vệ, sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên.

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu

- Củng cố, luyện tập các kiến thức đã học trong bài.

b. Nội dung

- Trò chơi VƯỢT CHƯỚNG NGẠI VẬT

c. Sản Phẩm

- Câu trả lời của học sinh

d. Cách thức tổ chức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh: **Bước 2**: Thực hiện nhiệm vụ **Bước 3**: Báo cáo kết quả làm việc **Bước 4:** GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức. 	

4. Hoạt đông vận dụng, mở rộng

a. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

b. Nội dung

- Sưu tầm thông tin, tranh ảnh để viết bài về một loài động vật, thực vật độc đáo ở châu Phi.

c. Sản Phẩm

- Bài viết của học sinh về một loài động vật, thực vật độc đáo ở châu Phi.

d. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ: EM YÊU DU LỊCH

Sưu tầm thông tin, tranh ảnh để viết bài về một loài động vật, thực vật độc đáo ở châu Phi.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc vào tuần học tiếp theo.

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

Trường:..... Họ và tên giáo viên:

Tổ:.....

Ngày: ..... …….....

TÊN BÀI DẠY - BÀI 10:
ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ XÃ HỘI CHÂU PHI

Môn học/Hoạt động giáo dục: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ; Lớp: 7

Thời gian thực hiện: Tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được một trong những vấn đề nổi cộm về dân cư, xã hội và di sản lịch sử châu Phi.

- Rèn luyện kĩ năng phân tích, khai thác số liệu.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Tự học và hoàn thiện các nhiệm vụ thông qua phiếu học tập.

+ Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.

+ Giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Năng lực Địa lí

+ Năng lực nhận thức Địa lí: Giải thích hiện tượng và quá trình địa lí kinh tế - xã hội.

- Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí (bản đồ, bảng số liệu, hình ảnh,..)

- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí để viết báo cáo.

3. Phẩm chất

- Đồng cảm, chia sẻ với những khó khăn của cộng đồng dân cư các nước châu Phi.

- Yêu khoa học, biết khám phá, tìm hiểu các vấn đề xã hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Một số hình ảnh, video (nếu có) về một số vấn đề xã hội tại châu Phi hiện nay (gia tăng dân số, nạn đói, xung đột quần sự).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động xuất phát/ khởi động

a. Mục tiêu

- Kết nối vào bài học, tạo hứng thú cho người học.

b. Nội dung

- Quan sát video và kết nối vào bài học.

c. Sản phẩm

- Câu trả lời cá nhân của học sinh.

d. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Quan sát đoạn video, và nêu lên suy nghĩ của em về vấn đề được nói đến trong đoạn video.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức, và kết nối vào bài học.

1,4 triệu trẻ em có nguy cơ chết đói

Châu Phi là châu lục còn tồn tại nhiều vấn đề nổi cộm về dân cư và xã hội cần được quan tâm và giải quyết, một trong số các vấn đề đó là nhiều trẻ em châu Phi đang phải đối diện với nguy cơ chết đói.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu một số vấn đề dân cư xã hội ở châu Phi

a. Mục tiêu

- Trình bày được một số vấn đề dân cư xã hội ở châu Phi.

b. Nội dung

- Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên cao.
- Nạn đói
- Xung đột tộc người

c. Sản Phẩm

Câu hỏi		Trả lời
Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên cao N1,3	Số dân?	Năm 2020: 1 340 triệu người
	Tỉ lệ dân số châu Á so với thế giới năm 2020?	Chiếm 17% dân số thế giới
	Dân số châu Phi tăng nhanh trong giai đoạn nào? Vì sao?	Dân số châu Phi tăng rất nhanh từ những năm 50 của thế kỉ XX, do các nước thuộc địa ở châu Phi giành được độc lập, đời sống được cải thiện và những tiến bộ về y tế làm giảm nhanh tỉ lệ tử vong, trong khi tỉ lệ sinh lại cao.
	So sánh tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của châu Phi với mức trung bình của thế giới?	Châu Phi cao hơn mức trung bình của thế giới
	Dân số tăng nhanh gây ra những hậu quả gì?	Kìm hãm sự phát triển, dẫn đến đói nghèo, tài nguyên bị khai thác kiệt quệ, suy thoái và ô nhiễm môi trường,... ở châu Phi
Nạn đói N2,4	Thực trạng	Mỗi năm, có hàng chục triệu người dân châu Phi bị nạn đói đe doạ; trong đó, vùng nam hoang mạc Xa-ha-ra là nơi chịu ảnh hưởng nặng nề nhất.
	Nguyên nhân	Do tình trạng hạn hán, bất ổn chính trị,...
Xung đột quân sự N5,6	Nguyên nhân	Xung đột xảy ra do mâu thuẫn giữa các bộ tộc, do cạnh tranh về tài nguyên íhiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên nước,... ở một sô khu vực của châu Phi.
	Hậu quả	Gây thương vong về người, gia tăng nạn đói, bệnh tật, di dân, bất ổn chính trị, ảnh hưởng đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên, tạo cơ hội để nước ngoài can thiệp,...

d. Cách thức tổ chức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm

Bước 1: Giao nhiệm vụ:

Hoạt động nhóm Dựa vào hình 1, thông tin SGK, các em hãy trao đổi và hoàn thiện thông tin phiếu học tập sau:

Câu hỏi		Trả lời
Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên cao N1,3	Số dân?	
	Tỉ lệ dân số châu Á so với thế giới năm 2020?	
	Dân số châu Phi tăng nhanh trong giai đoạn nào? Vì sao?	
	So sánh tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của châu Phi với mức trung bình của thế giới?	
	Dân số tăng nhanh gây ra những hậu quả gì?	
Nạn đói N2,4	Thực trạng	
	Nguyên nhân	
Xung đột quân sự N5,6	Nguyên nhân	
	Hậu quả	

Nhiệm vụ 2: Đọc thông tin sau và chia sẻ cảm

1. Một số vấn đề dan cư xã hội

a. Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên cao

- Năm 2020, số dân châu Phi khoảng 1 340 triệu người, chiếm khoảng 17% số dân thế giới.
- Dân số châu Phi tăng rất nhanh từ những năm 50 của thế kỉ XX, Giai đoạn 1950 - 2020, tỉ lệ tăng dân số tự nhiên của châu Phi luôn cao hơn mức trung bình thế giới.
- Tăng dân số nhanh là một trong những nguyên nhân kìm hãm sự phát triển, dẫn đến đói nghèo, tài nguyên bị khai thác kiệt quệ, suy thoái và ô nhiễm môi trường,... ở châu Phi.

b. Nạn đói

- Mỗi năm, có hàng chục triệu người dân châu Phi bị nạn đói đe doạ; trong đó, vùng nam hoang mạc Xa-ha-ra là nơi chịu ảnh hưởng nặng nề nhất do tình trạng hạn hán, bất ổn chính trị,...
- Rất nhiều quốc gia châu Phi phải phụ thuộc vào viện trợ lương thực của thế giới hằng năm.

c. Xung đột quân sự

- Xung đột quần sự đang là một vấn đề nghiêm trọng tại châu Phi.
- Nguyên nhân: Do mâu thuẫn giữa các bộ tộc, do cạnh tranh về tài nguyên íhiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên nước,... ở một sô khu vực của châu Phi.
- Hậu quả của xung đột qun sự: Gây thương vong về người, gia tăng nạn đói, bệnh tật, di dân, bất ổn chính trị, ảnh hưởng đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên, tạo cơ hội để nước ngoài can thiệp,...

xúc của em?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ nhóm/cá nhân

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS báo cáo kết quả làm việc trước lớp
- HS khác nhận xét, bổ sung
- GV mở rộng: Chiến tranh và nạn đói ở châu Phi: Nội chiến và nạn đói thường xuyên diễn ra ở châu Phi. Nguyên nhân chủ yếu do những bất đồng về chính trị hoặc xung đột giữa các bộ tộc. Nội chiến kéo dài nhiều năm giữa tộc người Tu-a-rét được Li-bi hậu thuẫn với những người nông dân sống ở vùng đất nhiều mưa hơn. Ở Ru-an-đa và Bu-run-đi, cuộc chiến giữa tộc Tút-xi và Hu-tu đã khiến hàng nghìn người thiệt mạng.

Nạn đói cũng là một thảm kịch đối với người dân nơi đây. Trước kia, người dân thường có đủ lương thực cho đến vụ mùa năm sau. Thế nhưng, các quốc gia châu Phi lại chú trọng nhiều đến việc canh tác cây trồng xuất khẩu và ngày càng phụ thuộc vào thực phẩm nhập khẩu. Nếu việc phân phối thực phẩm bị gián đoạn hoặc mất mùa do hạn hán thì hàng chục nghìn người có thể chết đói.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.
- Chuẩn kiến thức:

2.2. Tìm hiểu di sản lịch sử châu Phi

a. Mục tiêu

- Trình bày được một số di sản lịch sử của châu Phi.

b. Nội dung

- Dựa vào thông tin trong mục 2 và hiểu biết của bản thân, hãy kể tên một số di sản lịch sử của châu Phi.

c. Sản Phẩm

- Một số di sản lịch sử nổi tiếng của châu Phi: chữ viết tượng hình, phép tính diện tích tác hình, giấy pa-pi rút, các công trình kiến trúc nổi tiếng (các kim tự tháp, tượng Nhân sư,...).

d. Cách thức tổ chức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ - Dựa vào thông tin trong mục 2 và hiểu biết của bản thân, hãy kể tên một số di sản lịch sử của châu Phi. Illustration of Egyptian papyrus production obtained from Pinterest.com **Bước 2**: HS thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi và trả lời câu hỏi **Bước 3**: HS báo cáo kết quả làm việc - HS trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung - GV có thể cho HS kết hợp khai thác các kiến thức trong mục "Em có biết" về giấy pa-pi-rút để HS hiểu thêm nội dung bài. - Chữ tượng hình Ai Cập: Chữ cái tượng hình	**2. Di sản lịch sử Châu Phi** - Một số di sản lịch sử nổi tiếng của châu Phi: chữ viết tượng hình, phép tính diện tích tác hình, giấy pa-pi rút, các công trình kiến trúc nổi tiếng (các kim tự tháp, tượng Nhân sư,...).

của người Ai Cập cổ đại có vào khoảng năm 3 000 trước Công nguyên. Lúc đầu, mỗi đồ vật được hiển thị chính xác bằng hình ảnh. Dần dần, các hình ảnh này bắt đầu tượng trưng cho âm thanh. Các nhóm chữ tượng thanh được dùng để đánh vần từ. **Bước 4**: Đánh giá và chốt kiến thức - Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh	

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu

- Củng cố, luyện tập các kiến thức đã học trong bài.

b. Nội dung

- Trò chơi HIỂU Ý ĐỒNG ĐỘI

c. Sản Phẩm

- Câu trả lời của học sinh

d. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh:

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc

Bước 4: GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

4. Hoạt đông vận dụng, mở rộng

a. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

b. Nội dung

- Quan sát đoạn video BỨC TƯỜNG XANH ở châu Phi và nêu ý nghĩa của nó.

c. Sản Phẩm

- Ý nghĩa của bức tường xanh ở châu Phi.

d. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ:

Quan sát đoạn video BỨC TƯỜNG XANH ở châu Phi và nêu ý nghĩa của nó.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc vào tuần học tiếp theo.

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.